

KẾT QUẢ KIỂM TRA CHỨNG CHỈ TRÌNH ĐỘ B NGÀY 28/7/2019

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
1	BK180001	Bùi Tấn An	15/05/1999	Tiền Giang	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình
2	BK180002	Đỗ Thanh An	26/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	6,0	4,0	4,5	Không đạt
3	BK180003	Hồ Hoàng An	06/09/1997	Tiền Giang	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
4	BK180004	Lê Quốc An	01/05/1999	Long An	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
5	BK180005	Lê Tuấn An	15/03/1999	Long An	7,0	5,5	6,0	6,5	Trung bình
6	BK180006	Nguyễn Minh An	09/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	6,0	4,5	6,5	Trung bình
7	BK180007	Võ Hoài An	04/06/1998	Đồng Tháp	7,0	4,0	5,0	6,0	Trung bình
8	BK180008	Võ Thành An	31/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	4,0	5,0	6,0	Trung bình
9	BK180009	Đỗ Hồng Ân	28/02/1998	Đắk Lắk	7,5	4,0	6,0	6,5	Trung bình
10	BK180010	Hà Gia Ân	09/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
11	BK180011	Huỳnh Bảo Ân	09/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
12	BK180012	Nguyễn Duy Hồng Ân	15/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
13	BK180013	Nguyễn Hoàng Ân	23/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	8,5	7,0	7,1	Khá
14	BK180014	Nguyễn Thị Gia Ân	11/07/1999	Quảng Ngãi	6,0	7,5	3,0	5,5	Trung bình
15	BK180015	Vũ Hoài Ân	03/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	7,0	7,0	6,0	Trung bình
16	BK180017	Hoàng Quốc Anh	10/12/1999	Nghệ An	6,0	4,5	5,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
17	BK180018	Hứa Thị Kim Anh	24/02/1999	Gia Lai	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
18	BK180019	Lê Đức Anh	04/05/1998	Tây Ninh	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
19	BK180020	Lê Phạm Hùng Anh	21/08/1994	Tây Ninh	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
20	BK180021	Lê Tuấn Anh	01/01/1999	Long An	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
21	BK180022	Mai Thị Kim Anh	01/11/1999	Thừa Thiên -Huế	6,5	7,0	5,5	6,5	Trung bình
22	BK180023	Mai Tuấn Anh	24/08/1998	Đồng Nai	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
23	BK180024	Nguyễn Ngọc Huế Anh	16/04/1999	Trà Vinh	7,0	8,5	6,0	7,0	Khá
24	BK180025	Nguyễn Quốc Anh	09/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	9,0	5,0	7,0	Khá
25	BK180026	Nguyễn Thế Anh	08/03/1991	Bến Tre	7,0	9,0	3,0	6,5	Trung bình
26	BK180027	Nguyễn Trương Thế Anh	27/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	9,0	7,0	7,5	Khá
27	BK180028	Nguyễn Viết Anh	16/11/1998	Hưng Yên	7,5	7,5	6,0	7,0	Khá
28	BK180029	Phạm Đức Anh	31/12/1998	Tây Ninh	7,0	5,0	5,0	6,0	Trung bình
29	BK180030	Trần Tuấn Anh	17/01/1999	Phú Thọ	6,5	7,0	5,5	6,5	Trung bình
30	BK180031	Võ Tuấn Anh	28/02/1992	Lâm Đồng	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
31	BK180032	Nguyễn Văn Âu	16/12/1991	Trà Vinh	5,5	3,0	6,5	5,0	Trung bình
32	BK180033	Huỳnh Xuân Bách	28/07/1999	Khánh Hoà	6,0	4,5	6,0	5,5	Trung bình
33	BK180034	Nguyễn Việt Bách	19/10/1997	Bình Thuận	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình
34	BK180035	Nguyễn Nhựt Bản	27/11/1999	Long An	6,0	9,0	5,0	6,5	Trung bình
35	BK181040	Ngô Hữu Bằng	06/06/1999	Tây Ninh	4,0	4,0	4,5	4,0	Không đạt
36	BK180036	Phạm Công Bằng	12/9/1990	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,0	6,0	7,5	Khá

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
37	BK180037	Huỳnh Hoài Bảo	30/06/1998	An Giang	7,0	9,0	6,0	7,5	Khá
38	BK180038	Bạch Thái Bảo	02/01/1997	Đồng Tháp	6,0	8,5	6,0	6,5	Trung bình
39	BK180039	Đàm Quốc Bảo	26/09/1999	Nam Định	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình
40	BK180040	Đặng Phương Thành Bảo	10/11/1997	Lâm Đồng	5,0	5,5	3,0	4,5	Không đạt
41	BK180041	Du Quốc Bảo	01/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
42	BK180042	Hồ Xuân Bảo	29/09/1997	Đồng Nai	5,5	7,0	5,5	6,0	Trung bình
43	BK180043	Huỳnh Trần Gia Bảo	08/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
44	BK180044	Lê Công Thiên Bảo	24/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	5,5	5,0	4,5	Không đạt
45	BK180045	Lê Hồ Hoài Bảo	09/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,5	5,0	7,0	Khá
46	BK180046	Lê Quốc Bảo	26/02/1998	Tiền Giang	5,5	7,5	6,0	6,0	Trung bình
47	BK180047	Ngô Khắc Bảo	18/04/1998	Bình Thuận	6,5	7,5	7,5	7,0	Khá
48	BK180048	Nguyễn Gia Bảo	31/08/1999	Tây Ninh	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
49	BK180049	Nguyễn Hoài Bảo	11/09/1999	Bến Tre	7,5	7,5	5,0	7,0	Khá
50	BK180050	Nguyễn Hoàng Bảo	07/09/1998	Bình Định	5,5	7,0	6,5	6,0	Trung bình
51	BK180051	Nguyễn Lý Hoàng Bảo	05/12/1998	Tây Ninh	7,5	7,5	5,0	7,0	Khá
52	BK180052	Nguyễn Quốc Bảo	06/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,5	5,5	7,0	Khá
53	BK180053	Nguyễn Quốc Bảo	25/08/1999	Trà Vinh	7,0	5,0	6,0	6,5	Trung bình
54	BK180054	Nguyễn Quốc Bảo	21/04/1998	Gia Lai	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
55	BK180055	Nguyễn Thái Bảo	23/03/1998	Đắk Lắk	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
56	BK180056	Nguyễn Văn Bảo	09/03/1999	Quảng Ngãi	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
57	BK180057	Nguyễn Xuân Bảo	17/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,0	6,0	7,0	Khá
58	BK180058	Phạm Thái Bảo	18/11/1998	Đắk Lắk	7,0	8,0	6,0	7,0	Khá
59	BK180059	Phạm Văn Bảo	04/09/1999	Lâm Đồng	7,5	4,0	6,0	6,5	Trung bình
60	BK180060	Trần Phan Gia Bảo	22/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	5,0	5,0	6,0	Trung bình
61	BK180061	Võ Anh Bảo	20/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	4,5	7,0	5,0	Trung bình
62	BK180062	Võ Chí Bảo	24/02/1998	Bình Định	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
63	BK180063	Cà Bí Biển	05/08/1999	Ninh Thuận	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
64	BK180064	Lê Quốc Bình	24/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	8,0	7,0	7,0	Khá
65	BK180065	Lê Thanh Bình	28/02/1997	Long An	5,5	7,5	8,0	6,5	Trung bình
66	BK180066	Nguyễn Chí Bình	02/08/1996	Tiền Giang	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình
67	BK180067	Nguyễn Minh Bình	21/02/1998	Ninh Thuận	7,0	6,5	6,0	6,5	Trung bình
68	BK180068	Nguyễn Ngọc Bình	03/11/1998	Quảng Ngãi	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
69	BK180069	Nguyễn Tấn Bình	06/10/1997	An Giang	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
70	BK180070	Nguyễn Văn Bình	01/03/1998	Tây Ninh	7,0	6,5	7,0	7,0	Khá
71	BK180071	Phạm Quang Bình	03/05/1998	Kiên Giang	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
72	BK180072	Trần Thái Bình	31/07/1999	Tiền Giang	6,0	6,5	5,0	6,0	Trung bình
73	BK180073	Trần Thái Bôn	24/05/1998	Quảng Ngãi	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
74	BK180074	Lê Tuấn Cảnh	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	6,0	5,0	5,0	Trung bình
75	BK180075	Lê Xuân Cảnh	02/03/1999	Bình Định	5,0	7,5	7,0	6,0	Trung bình
76	BK180076	Trần Đức Cảnh	05/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,0	6,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
77	BK181041	Trần Văn Cảnh	27/11/1999	Tiền Giang	1,5	4,0	4,5	3,0	Không đạt
78	BK180077	Nguyễn Ngọc Châu	28/03/1999	Tiền Giang	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
79	BK180078	Huỳnh Minh Chí	01/10/1997	Tiền Giang	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
80	BK180079	Ngô Thanh Chiến	21/09/1999	Bình Định	7,0	6,0	6,0	6,5	Trung bình
81	BK180080	Nguyễn Hữu Chiến	10/04/1999	Bình Định	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
82	BK180081	Phạm Thế Chinh	06/12/1999	Đồng Tháp	3,0	5,0	5,0	4,0	Không đạt
83	BK180082	Văn Huy Chinh	25/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	2,5	4,5	0,0	2,5	Không đạt
84	BK180083	Lê Minh Chung	03/04/1998	Bình Định	4,0	6,0	6,0	5,0	Trung bình
85	BK180084	Lê Ngọc Chung	13/11/1997	Kiên Giang	2,5	5,5	6,5	4,5	Không đạt
86	BK180085	Nguyễn Thanh Chung	18/09/1998	Bình Thuận	3,0	6,5	5,0	4,5	Không đạt
87	BK180086	Nguyễn Thị Chung	04/12/1999	Nghệ An	3,0	4,0	5,0	4,0	Không đạt
88	BK180087	Nguyễn Văn Chung	16/02/1999	Hung Yên	4,0	4,5	7,0	5,0	Trung bình
89	BK180088	Nguyễn Hoàng Chương	05/09/1998	An Giang	4,0	4,0	6,0	4,5	Không đạt
90	BK180089	Nguyễn Văn Chương	02/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	3,5	5,5	4,5	Không đạt
91	BK180090	Dương Văn Cơ	27/04/1999	Đắk Lắk	3,0	5,5	6,0	4,5	Không đạt
92	BK180091	Đỗ Thành Công	03/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	4,0	6,5	4,5	Không đạt
93	BK180092	Hà Văn Công	20/05/1998	Bình Định	4,0	4,0	4,5	4,0	Không đạt
94	BK180093	Lý Vũ Công	05/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	5,5	6,0	Trung bình
95	BK180094	Nguyễn Chí Công	23/03/1998	Kiên Giang	5,5	4,0	6,0	5,5	Trung bình
96	BK180095	Nguyễn Thành Công	16/7/1991	Đồng Nai	5,5	5,5	6,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
97	BK180096	Nguyễn Văn Thành Công	29/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	4,0	6,5	5,5	Trung bình
98	BK180097	Phạm Văn Công	12/06/1997	Bình Phước	3,5	4,0	5,0	4,0	Không đạt
99	BK180098	Trần Văn Công	10/08/1998	Quảng Ngãi	4,0	6,0	6,0	5,0	Trung bình
100	BK180099	Bùi Tuấn Cường	09/05/1997	Ninh Thuận	4,5	4,0	5,5	4,5	Không đạt
101	BK180100	Cao Duy Cường	05/07/1998	Đắk Lắk	4,0	4,0	6,0	4,5	Không đạt
102	BK180101	Đặng Cường	04/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	6,0	5,5	6,5	Trung bình
103	BK180102	Đặng Đình Cường	06/05/1998	Đắk Lắk	4,5	5,5	4,0	4,5	Không đạt
104	BK180103	Đỗ Đức Cường	25/05/1998	Thanh Hoá	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
105	BK180104	Đoàn Hữu Cường	01/06/1998	Đắk Lắk	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
106	BK180105	Đoàn Văn Cường	21/07/1999	Long An	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
107	BK180106	Lê Hùng Cường	10/05/1999	Bình Phước	4,0	5,0	4,0	4,5	Không đạt
108	BK180108	Nguyễn Anh Cường	07/10/1997	Bình Thuận	6,0	4,0	7,5	6,0	Trung bình
109	BK180109	Nguyễn Chí Cường	07/11/1999	Long An	5,5	5,0	4,5	5,0	Trung bình
110	BK180110	Nguyễn Minh Cường	22/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	2,5	5,0	4,0	3,5	Không đạt
111	BK180112	Nguyễn Quốc Cường	23/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
112	BK180113	Trần Quốc Cường	08/11/1998	Đắk Lắk	5,5	5,0	5,0	5,5	Trung bình
113	BK180114	Trương Thái Cường	11/10/1997	Tiền Giang	4,5	6,5	6,0	5,5	Trung bình
114	BK180115	Nguyễn Văn Đại	14/05/1999	Quảng Ngãi	4,0	6,0	6,5	5,0	Trung bình
115	BK180116	Ngô Văn Đang	05/02/1998	Ninh Thuận	4,5	6,0	6,5	5,5	Trung bình
116	BK180117	Nguyễn Hải Đăng	20/12/1998	Long An	3,5	6,5	6,5	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
117	BK180119	Nguyễn Minh Đăng	4/4/1998	Tây Ninh	5,5	5,0	7,5	6,0	Trung bình
118	BK180120	Trần Thanh Đăng	01/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	5,5	7,0	5,5	Trung bình
119	BK180121	Lê Chí Đăng	14/06/1998	Đồng Tháp	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
120	BK180122	Dương Quốc Danh	11/02/1998	Long An	2,0	5,5	7,0	6,0	Trung bình
121	BK180123	Võ Hữu Danh	28/09/1999	Tiền Giang	2,0	6,5	4,0	3,5	Không đạt
122	BK180124	Phan Thị Anh Đào	08/09/1999	Long An	2,5	6,0	8,0	5,0	Trung bình
123	BK180125	Bùi Hiếu Đạt	23/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,0	8,0	6,5	Trung bình
124	BK180126	Đỗ Thành Đạt	28/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,5	5,0	6,0	Trung bình
125	BK180127	Hà Vũ Đạt	08/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,5	5,0	6,5	Trung bình
126	BK180128	Huỳnh Tấn Đạt	21/06/1999	Bình Định	6,0	6,5	4,0	5,5	Trung bình
127	BK180129	Lê Thành Đạt	15/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	7,0	6,0	5,5	Trung bình
128	BK180130	Lê Thành Đạt	11/12/1999	Tiền Giang	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
129	BK180131	Nguyễn Quốc Đạt	02/11/1998	Đồng Nai	6,0	7,0	8,0	7,0	Khá
130	BK180132	Nguyễn Thành Đạt	24/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	8,5	7,0	Khá
131	BK180133	Nguyễn Tiến Đạt	23/06/1999	Bình Định	6,0	6,5	6,0	6,0	Trung bình
132	BK180134	Nguyễn Văn Đạt	08/01/1999	Bình Phước	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
133	BK180135	Nguyễn Văn Đạt	16/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,5	7,0	6,5	Trung bình
134	BK180136	Tào Tấn Đạt	09/12/1998	Sóc Trăng	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
135	BK181042	Trần Quốc Đạt	16/10/1997	Quảng Ngãi	1,5	2,5	0,0	1,5	Không đạt
136	BK180137	Trần Tiến Đạt	20/06/1999	Gia Lai	5,5	5,0	7,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
137	BK180138	Trần Tiến Đạt	10/12/1998	Đồng Tháp	5,5	4,0	7,0	5,5	Trung bình
138	BK180139	Trương Tiến Đạt	16/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
139	BK180140	Võ Quốc Đạt	26/05/1998	Quảng Ngãi	6,5	8,0	4,0	6,5	Trung bình
140	BK180141	Võ Tiến Đạt	26/02/1998	Tây Ninh	4,5	7,0	4,5	5,0	Trung bình
141	BK180142	Lê Hoài Dĩ	04/03/1999	Bình Định	5,0	7,0	4,0	5,5	Trung bình
142	BK180143	Nguyễn Thanh Diễm	08/11/1998	Đồng Tháp	5,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình
143	BK180144	Huỳnh Tấn Định	09/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,5	6,0	6,0	Trung bình
144	BK180145	Dương Quốc Đoàn	09/11/1997	Tiền Giang	4,5	7,5	7,5	6,0	Trung bình
145	BK180146	Nguyễn Minh Đoàn	27/09/1998	Long An	5,5	7,5	7,0	6,5	Trung bình
146	BK181043	Nguyễn Quốc Doanh	19/02/1999	Tiền Giang	2,0	4,0	5,5	3,5	Không đạt
147	BK180147	Nguyễn Thành Đông	30/05/1998	Bình Thuận	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
148	BK180148	Lê Văn Dự	12/10/1999	Quảng Ngãi	5,5	2,5	8,0	5,5	Không đạt
149	BK180149	Phạm Hữu Dẫn	25/06/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,0	7,0	5,0	5,5	Trung bình
150	BK180150	Lê Thành Huỳnh Đức	10/07/1999	Bình Phước	5,0	7,5	4,0	5,5	Trung bình
151	BK180151	Ngô Gia Việt Đức	22/04/1999	Lâm Đồng	2,5	6,5	7,0	4,5	Không đạt
152	BK180152	Ngô Minh Đức	08/12/1994	Thái Bình	5,0	7,5	7,5	6,5	Trung bình
153	BK180153	Nguyễn Hữu Đức	29/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
154	BK180154	Phạm Sỹ Đức	15/8/1998	Lâm Đồng	4,5	7,5	8,5	6,5	Trung bình
155	BK180155	Trần Nguyễn Minh Đức	18/06/1997	Long An	3,0	5,0	5,0	4,0	Không đạt
156	BK180156	Võ Văn Đức	11/08/1998	Bình Thuận	5,5	5,5	5,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
157	BK180157	Vũ Minh Đức	04/10/1998	Cần Thơ	5,5	8,0	4,0	6,0	Trung bình
158	BK180158	DUK	15/08/1999	Gia Lai	4,0	6,5	2,0	4,0	Không đạt
159	BK180159	Đặng Tiến Dũng	07/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	8,0	7,0	Khá
160	BK180160	Nguyễn Hùng Trung Dũng	29/04/1999	Hậu Giang	5,5	7,5	4,0	5,5	Trung bình
161	BK180161	Nguyễn Thế Dũng	02/10/1999	Ninh Bình	3,5	6,0	5,0	4,5	Không đạt
162	BK180162	Nguyễn Tiến Dũng	13/12/1999	Bình Thuận	3,0	4,0	7,0	4,5	Không đạt
163	BK180163	Nguyễn Văn Dũng	20/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	5,0	6,0	5,0	Trung bình
164	BK180164	Đặng Thành Được	01/01/1999	Long An	3,5	5,0	6,0	4,5	Không đạt
165	BK180165	Nguyễn Ngọc Được	06/03/1997	Bình Thuận	3,5	6,0	6,0	5,0	Trung bình
166	BK180166	Nguyễn Thành Được	10/06/1999	Kiên Giang	3,5	4,0	4,0	4,0	Không đạt
167	BK180167	Đặng Thái Dương	30/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	4,5	7,0	6,0	Trung bình
168	BK180168	Lê Chí Dương	03/03/1998	Quảng Ngãi	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
169	BK180169	Lê Hải Dương	13/08/1999	Tây Ninh	4,5	7,5	8,0	6,0	Trung bình
170	BK180170	Nguyễn Đức Dương	17/09/1998	Kiên Giang	5,0	6,0	8,0	6,0	Trung bình
171	BK180171	Nguyễn Quang Dương	24/04/1998	Bắc Giang	5,5	5,5	7,0	6,0	Trung bình
172	BK180172	Phạm Văn Dương	11/07/1999	Kiên Giang	6,5	5,0	5,0	6,0	Trung bình
173	BK180173	Tô Hoài Dương	11/07/1998	Tây Ninh	7,0	5,5	8,0	7,0	Khá
174	BK180174	Bùi Nguyễn Thái Duy	10/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	8,0	6,5	Trung bình
175	BK180175	Cao Tường Duy	24/09/1998	Bến Tre	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
176	BK180176	Đặng Nhật Duy	05/12/1999	Bình Định	3,0	5,0	4,0	4,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
177	BK180177	Đỗ Quang Duy	08/01/1999	Tiền Giang	2,0	4,5	5,0	3,5	Không đạt
178	BK180179	Huỳnh Minh Duy	20/11/1999	Bình Định	2,0	4,0	0,0	2,0	Không đạt
179	BK180180	Lê Hoài Duy	26/12/1999	Trà Vinh	4,5	4,0	5,0	4,5	Không đạt
180	BK180181	Lê Nhật Duy	03/03/1998	Tây Ninh	4,5	4,0	5,0	4,5	Không đạt
181	BK180182	Lê Phước Duy	29/04/1999	Thừa Thiên -Huế	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
182	BK180183	Lê Văn Duy	13/05/1998	Đắk Nông	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
183	BK180184	Mai Lê Duy	14/10/1997	Đồng Tháp	6,5	6,5	4,0	6,0	Trung bình
184	BK180185	Nguyễn Hoàng Duy	05/02/1997	Tây Ninh	7,5	6,0	7,0	7,0	Khá
185	BK180186	Nguyễn Khánh Duy	30/04/1997	Bình Phước	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
186	BK180187	Nguyễn Quốc Duy	11/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
187	BK180188	Nguyễn Tấn Duy	15/08/1999	Quảng Ngãi	3,5	4,0	5,0	4,0	Không đạt
188	BK180189	Nguyễn Thanh Duy	15/02/1998	Long An	3,0	4,5	8,0	4,5	Không đạt
189	BK181044	Nguyễn Thanh Duy	10/10/1995	Bến Tre	4,0	3,0	4,0	4,0	Không đạt
190	BK180190	Nguyễn Trần Thanh Duy	12/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	3,5	6,0	4,0	Không đạt
191	BK180191	Nguyễn Tuấn Duy	15/07/1999	Bến Tre	4,5	7,5	5,0	5,5	Trung bình
192	BK180193	Nguyễn Xuân Duy	18/09/1998	Đắk Lắk	4,0	4,5	7,0	5,0	Trung bình
193	BK180194	Phạm Hoàng Duy	03/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,5	5,0	7,0	Khá
194	BK180195	Phan Anh Duy	23/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,5	5,0	6,5	Trung bình
195	BK180196	Quách Khả Duy	07/09/1998	Sóc Trăng	7,0	6,5	6,0	6,5	Trung bình
196	BK180197	Trần Anh Duy	21/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	8,0	8,0	8,0	Giỏi

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
197	BK180198	Trần Thái Duy	24/03/1999	Tây Ninh	3,5	6,0	5,0	4,5	Không đạt
198	BK180199	Trịnh Quang Duy	03/12/1999	Đắk Lắk	3,0	6,0	5,0	4,5	Không đạt
199	BK180200	Đặng Châu Minh Giang	02/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	7,5	5,0	5,0	Trung bình
200	BK180201	Đỗ Văn Giang	08/09/1999	Nam Định	5,0	5,5	8,0	6,0	Trung bình
201	BK180202	Lê Trường Giang	22/07/1998	Đồng Nai	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
202	BK180203	Nguyễn Hoàng Ngai Giang	30/09/1998	Bình Thuận	5,5	5,5	3,5	5,0	Trung bình
203	BK180204	Nguyễn Trường Giang	21/09/1997	Bến Tre	4,5	4,0	5,0	4,5	Không đạt
204	BK180205	Nguyễn Trường Giang	17/11/1998	Bình Thuận	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình
205	BK180206	Nguyễn Văn Giang	11/03/1997	Đồng Nai	5,0	4,0	6,0	5,0	Trung bình
206	BK180207	Phan Văn Ngân Giang	28/03/1997	An Giang	5,5	5,5	6,0	5,5	Trung bình
207	BK180208	Lê Thị Huệ Giao	30/03/1998	Long An	3,5	6,0	6,5	5,0	Trung bình
208	BK180209	Lê Hùng Giỏi	29/09/1998	Quảng Ngãi	3,0	4,5	3,5	3,5	Không đạt
209	BK180211	Phan Sỹ Hà	14/09/1997	Nghệ An	6,5	7,0	9,0	7,5	Khá
210	BK180212	Võ Văn Hạ	28/06/1998	Quảng Ngãi	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
211	BK180213	Đàm Thanh Hải	27/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
212	BK180214	Hồ Minh Hải	07/10/1996	Bình Định	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
213	BK180215	Lương Gia Hải	08/07/1997	Bình Thuận	5,5	6,0	7,0	6,0	Trung bình
214	BK180216	Mai Thanh Hải	02/10/1998	Long An	5,0	5,0	7,5	5,5	Trung bình
215	BK180217	Nguyễn Chí Hải	10/05/1997	Bến Tre	5,5	6,5	5,5	6,0	Trung bình
216	BK180218	Nguyễn Hoàn Hải	24/11/1999	Long An	5,5	6,5	4,5	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
217	BK180219	Nguyễn Ngọc Hải	15/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	7,0	5,0	5,5	Trung bình
218	BK180220	Nguyễn Nhật Hải	20/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,5	8,5	6,5	Trung bình
219	BK180221	Nguyễn Phi Hải	02/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,0	4,5	5,0	Trung bình
220	BK180222	Phan Thanh Hải	25/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	4,5	6,5	5,5	Trung bình
221	BK180223	Đặng Thị Cẩm Hằng	02/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	6,5	6,0	Trung bình
222	BK180224	Nguyễn Thị Hằng	02/01/1998	Thanh Hoá	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
223	BK180225	Phạm Võ Kim Hằng	20/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,5	4,0	4,5	Không đạt
224	BK180226	Nguyễn Đình Hào	11/10/1999	Bình Định	6,0	6,0	4,0	5,5	Trung bình
225	BK180227	Nguyễn Quốc Hào	06/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
226	BK180228	Nguyễn Trung Anh Hào	03/12/1996	Long An	3,5	6,0	5,5	4,5	Không đạt
227	BK180229	Trần Đình Hào	22/8/1996	Bình Phước	5,0	7,5	4,0	5,5	Trung bình
228	BK180230	Đào Hồng Hào	02/06/1999	Bình Định	4,0	6,5	5,5	5,0	Trung bình
229	BK180231	Võ Hoàng Hào	15/04/1999	Long An	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
230	BK180232	Lê Minh Hậu	18/09/1998	Lâm Đồng	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
231	BK180233	Nguyễn Phúc Hậu	10/01/1991	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	4,5	5,0	4,5	Không đạt
232	BK180234	Nguyễn Thành Hậu	23/04/1998	Tiền Giang	5,0	7,5	6,0	6,0	Trung bình
233	BK180235	Nguyễn Văn Hậu	18/10/1998	Phú Yên	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
234	BK180236	Trần Bá Hậu	20/06/1998	Đắk Lắk	4,0	6,0	5,0	5,0	Trung bình
235	BK180237	Trần Văn Hậu	15/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
236	BK180238	Trịnh Trung Hậu	10/11/1999	Bến Tre	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
237	BK180239	Trương Thế Hậu	05/02/1998	Kiên Giang	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
238	BK180240	Võ Ngọc Hậu	25/09/1998	Bến Tre	3,5	4,0	4,0	4,0	Không đạt
239	BK180241	Lê Cảnh Hiền	08/08/1998	Lâm Đồng	5,0	5,5	3,5	5,0	Trung bình
240	BK180242	Nguyễn Đức Hiền	08/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,5	7,0	5,5	Trung bình
241	BK180243	Nguyễn Thái Hiền	02/01/1995	Bình Định	4,0	6,0	4,0	4,5	Không đạt
242	BK180244	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	23/03/1999	Tây Ninh	5,0	5,5	6,0	5,5	Trung bình
243	BK180245	Trần Thị Thu Hiền	26/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình
244	BK180246	Nguyễn Tấn Hiệp	02/04/1999	Bình Định	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
245	BK180247	Phạm Ngọc Hiệp	18/12/1996	Hưng Yên	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình
246	BK180248	Đặng Văn Hiếu	18/09/1999	Bình Thuận	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
247	BK180250	Huỳnh Lê Hữu Hiếu	14/02/1999	Bình Thuận	5,0	6,0	4,5	5,0	Trung bình
248	BK180251	Huỳnh Minh Hiếu	24/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	5,5	5,5	Trung bình
249	BK180252	Lâm Quang Hiếu	10/10/1998	Bình Thuận	4,0	5,5	3,0	4,0	Không đạt
250	BK180253	Lê Văn Hiếu	14/09/1998	Long An	7,0	7,0	6,5	7,0	Khá
251	BK180254	Lưu Văn Hiếu	29/09/1995	Long An	6,5	6,0	6,5	6,5	Trung bình
252	BK180255	Ngô Trung Hiếu	11/10/1997	Long An	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
253	BK180256	Nguyễn Minh Hiếu	24/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
254	BK180257	Nguyễn Đỗ Minh Hiếu	08/05/1999	Bình Dương	6,5	5,5	5,5	6,0	Trung bình
255	BK180258	Nguyễn Lê Chí Hiếu	24/03/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	6,5	5,5	6,0	6,0	Trung bình
256	BK180259	Nguyễn Minh Hiếu	01/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	5,5	6,0	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
257	BK180260	Nguyễn Minh Hiếu	02/06/1999	Long An	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
258	BK180262	Nguyễn Minh Hiếu	19/12/1998	Vĩnh Long	5,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình
259	BK180263	Nguyễn Thanh Hiếu	27/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	6,5	6,0	Trung bình
260	BK180264	Nguyễn Trọng Hiếu	01/08/1998	Tây Ninh	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
261	BK180265	Nguyễn Trung Hiếu	28/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
262	BK180266	Phạm Ngọc Trung Hiếu	25/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	8,5	7,0	Khá
263	BK180267	Phan Bá Hiếu	10/09/1999	Long An	5,5	7,0	4,5	5,5	Trung bình
264	BK180268	Phan Quốc Hiếu	09/09/1999	Tiền Giang	7,0	6,5	3,5	6,0	Trung bình
265	BK180269	Trần Minh Hiếu	12/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	6,0	6,5	6,5	Trung bình
266	BK180270	Trang Nhựt Hiếu	03/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	4,5	6,5	6,5	Trung bình
267	BK180271	Trương Công Hiếu	12/01/1997	Đồng Nai	8,0	5,5	3,5	6,5	Trung bình
268	BK180272	Võ Minh Hiếu	20/01/1999	Long An	7,5	6,0	3,5	6,0	Trung bình
269	BK180273	Nguyễn Văn Hồ	26/06/1997	Kiên Giang	7,5	6,0	7,5	7,0	Khá
270	BK180274	Nguyễn Thị Thúy Hoa	18/08/1997	Bình Định	6,0	7,5	5,5	6,5	Trung bình
271	BK180275	Lê Khánh Hòa	30/10/1999	Long An	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình
272	BK180276	Nguyễn Hữu Hòa	27/05/1999	Quảng Ngãi	6,0	7,5	6,0	0,5	Không đạt
273	BK180277	Nguyễn Tấn Hòa	27/03/1998	Long An	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
274	BK181045	Nguyễn Trung Hòa	19/08/1999	Quảng Ngãi	1,5	2,0	0,0	1,5	Không đạt
275	BK180279	Trần Khánh Hòa	08/01/1998	Bình Thuận	6,5	7,5	3,5	6,0	Trung bình
276	BK180280	Huỳnh Minh Hoài	30/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,5	6,5	7,0	Khá

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
277	BK180281	Lương Phước Hoài	23/05/1999	Long An	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
278	BK180282	Phan Văn Hoài	13/05/1999	Hà Tĩnh	7,5	9,0	5,0	7,5	Khá
279	BK180283	Trần Phong Hoài	18/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	9,0	5,0	7,0	Khá
280	BK180284	Võ Trí Hoài	09/08/1999	Long An	3,5	4,5	4,0	4,0	<i>Không đạt</i>
281	BK180285	Đinh Huy Hoàng	18/10/1998	Khánh Hoà	5,5	7,5	7,0	6,5	Trung bình
282	BK180286	Lê Huy Hoàng	27/02/1999	Bình Phước	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
283	BK180287	Nguyễn Minh Hoàng	04/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	4,0	6,0	5,5	Trung bình
284	BK180288	Nguyễn Văn Hoàng	12/07/1999	Tây Ninh	5,5	5,5	4,0	5,0	Trung bình
285	BK180289	Nguyễn Văn Hoàng	11/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	3,0	5,0	5,0	Trung bình
286	BK180290	Nguyễn Việt Hoàng	16/11/1998	Hưng Yên	7,5	9,0	6,0	7,5	Khá
287	BK180291	Phạm Việt Hoàng	11/12/1997	Đắk Nông	8,5	8,5	7,0	8,0	Giỏi
288	BK180292	Quản Huy Hoàng	17/05/1999	Tây Ninh	6,0	7,0	4,0	6,0	Trung bình
289	BK180293	Trần Anh Hoàng	19/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
290	BK180294	Trương Văn Hoàng	08/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,0	4,0	6,5	Trung bình
291	BK180295	Trương Việt Hoàng	24/07/1998	Bạc Liêu	7,5	8,0	6,0	7,0	Khá
292	BK180296	Võ Đại Hoàng	21/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	2,5	6,0	5,5	<i>Không đạt</i>
293	BK180297	Võ Minh Hoàng	25/10/1997	Quảng Ngãi	7,0	4,0	5,0	6,0	Trung bình
294	BK180298	Vũ Ngọc Huy Hoàng	14/12/1999	Đồng Nai	6,5	3,5	5,0	5,5	Trung bình
295	BK180299	Huỳnh Hữu Học	11/07/1999	Long An	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
296	BK180300	Lưu Say Hon	25/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	4,0	7,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
297	BK180301	Hồ Quang Hợp	11/3/1997	Quảng Ngãi	6,0	4,0	7,0	6,0	Trung bình
298	BK180302	Cao Văn Hùng	26/12/1999	Bình Phước	7,5	8,0	5,0	7,0	Khá
299	BK180303	Chường Hoàng Hùng	08/12/1999	Đồng Nai	7,5	8,5	5,0	7,0	Khá
300	BK180304	Đặng Mạnh Hùng	18/10/1997	Đắk Lắk	6,0	8,5	5,0	6,5	Trung bình
301	BK180305	Đặng Quốc Hùng	17/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	8,0	4,0	6,5	Trung bình
302	BK180306	Huỳnh Thiên Hùng	04/10/1997	Đồng Nai	6,5	8,5	4,0	6,5	Trung bình
303	BK180307	Nguyễn Mạnh Hùng	15/05/1998	Quảng Ngãi	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
304	BK180308	Nguyễn Sỹ Hùng	20/04/1998	Thanh Hoá	6,0	6,0	4,0	5,5	Trung bình
305	BK180309	Nguyễn Văn Hùng	07/05/1999	Quảng Trị	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
306	BK180310	Tôn Chí Hùng	10/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	7,0	6,0	Trung bình
307	BK180311	Đoàn Thanh Hưng	26/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
308	BK180312	Lê Phước Hưng	03/08/1998	Long An	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
309	BK180313	Lê Trương Kim Hưng	16/04/1999	Bình Định	6,0	6,0	4,0	5,5	Trung bình
310	BK180314	Nguyễn Hoài Hưng	02/09/1998	Bình Thuận	5,5	4,5	7,0	5,5	Trung bình
311	BK180316	Nguyễn Trần Quốc Hưng	16/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,0	8,0	5,5	Trung bình
312	BK180317	Trần Việt Hưng	10/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	4,5	7,0	5,5	Trung bình
313	BK180318	Phạm Thị Quỳnh Hương	26/10/1999	Đồng Nai	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình
314	BK180319	Tô Xuân Hướng	03/04/1997	Đắk Nông	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
315	BK180320	Lâm Văn Hưởng	18/10/1999	Bình Phước	5,5	5,5	5,0	5,5	Trung bình
316	BK180321	Lê Thế Hữu	30/04/1999	Bình Thuận	7,0	7,0	3,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
317	BK180322	Phan Thanh Hữu	17/12/1999	Bình Định	8,0	7,5	4,0	7,0	Khá
318	BK180323	Dương Lê Quốc Huy	10/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	8,0	5,0	7,5	Khá
319	BK180324	Hà Anh Huy	01/12/1998	Tiền Giang	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
320	BK180325	Hoàng Đức Huy	15/08/1998	Đắk Lắk	7,0	6,5	3,0	6,0	Trung bình
321	BK180326	Huỳnh Thanh Huy	03/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	5,0	3,0	5,5	Trung bình
322	BK180327	Lã Quang Huy	05/09/1998	Ninh Bình	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
323	BK180328	Lê Đức Huy	24/09/1998	Bến Tre	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình
324	BK180329	Nguyễn Huy	12/10/1998	Bến Tre	6,0	3,0	4,0	5,0	Trung bình
325	BK180330	Nguyễn Bách Huy	20/03/1999	Tây Ninh	6,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình
326	BK180331	Nguyễn Đức Huy	16/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,5	5,0	7,0	Khá
327	BK180332	Nguyễn Đức Huy	27/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	8,5	6,0	7,5	Khá
328	BK180333	Nguyễn Gia Huy	14/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	8,0	4,0	5,5	Trung bình
329	BK180334	Nguyễn Hữu Huy	06/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
330	BK180335	Nguyễn Minh Huy	29/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	5,5	6,0	5,5	Trung bình
331	BK180336	Nguyễn Thanh Huy	09/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	4,5	3,0	4,5	Không đạt
332	BK180337	Nguyễn Văn Huy	21/01/1998	Bình Thuận	6,0	6,0	3,0	5,5	Trung bình
333	BK180338	Phùng Gia Huy	03/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình
334	BK180339	Tạ Gia Huy	14/06/1997	Ninh Thuận	6,5	8,5	5,0	6,5	Trung bình
335	BK180340	Trần Hoàng Thanh Huy	10/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,5	5,0	5,0	Trung bình
336	BK180341	Trần Kim Huy	31/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
337	BK180342	Trần Phạm Minh Huy	08/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	6,0	6,0	5,0	Trung bình
338	BK180343	Trần Quang Huy	26/07/1999	Bình Định	5,0	5,5	5,0	5,0	Trung bình
339	BK180344	Trần Quang Huy	07/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	4,0	3,0	4,0	Không đạt
340	BK180345	Trần Quang Phúc Huy	23/04/1996	Bình Thuận	6,0	7,5	4,0	6,0	Trung bình
341	BK180346	Trương Hoàng Huy	15/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,0	2,0	5,0	Không đạt
342	BK180347	Trương Khải Huy	09/12/1999	Long An	5,5	6,0	3,0	5,0	Trung bình
343	BK180348	Trương Võ Tấn Huy	19/09/1995	Ninh Thuận	5,5	6,0	2,0	5,0	Không đạt
344	BK180349	Võ Duy Huy	19/11/1998	Long An	6,0	5,5	4,0	5,5	Trung bình
345	BK180350	Võ Trần Đức Huy	18/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	2,0	5,0	Không đạt
346	BK180351	Phạm Thanh Huyền	12/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	2,0	4,5	Không đạt
347	BK180352	Bùi Văn Huynh	01/05/1999	Nghệ An	5,0	6,0	2,0	4,5	Không đạt
348	BK180353	Nguyễn Đình Kha	23/12/1999	Đắk Lắk	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
349	BK180354	Nguyễn Nhựt Kha	02/05/1996	Bến Tre	5,5	5,0	2,0	4,5	Không đạt
350	BK180355	Trần Quốc Kha	18/04/1998	An Giang	5,0	5,5	3,0	4,5	Không đạt
351	BK180356	Hồ Quang Khải	16/11/1998	Tây Ninh	5,5	5,5	2,0	4,5	Không đạt
352	BK180357	Nguyễn Đức Khải	09/03/1998	Nghệ An	5,0	6,0	2,0	4,5	Không đạt
353	BK180358	Nguyễn Văn Khải	26/06/1998	Tây Ninh	5,5	6,0	2,0	5,0	Không đạt
354	BK180359	Trần Quang Khải	12/07/1998	Bình Định	5,5	6,0	2,0	5,0	Không đạt
355	BK180360	Trần Trọng Khải	05/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
356	BK180361	Hồng Thanh Khan	15/06/1998	Bình Định	7,0	8,0	5,0	7,0	Khá

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
357	BK180362	Bùi Duy Khang	09/05/1997	Bến Tre	6,5	5,0	4,0	5,5	Trung bình
358	BK180363	Đặng Trần Duy Khang	27/04/1998	Long An	4,0	6,5	6,0	5,0	Trung bình
359	BK180364	Lê Quang Khang	02/12/1997	Lâm Đồng	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
360	BK180365	Lương Tuấn Khang	01/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	6,5	6,0	5,0	Trung bình
361	BK180366	Nguyễn Đoan Khang	24/06/1999	Tây Ninh	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
362	BK180367	Nguyễn Thanh Khang	11/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,5	7,0	6,0	Trung bình
363	BK180368	Võ Đăng Khang	14/09/1999	Long An	6,0	6,0	4,0	5,5	Trung bình
364	BK180369	Nguyễn Minh Khanh	28/07/1997	Đồng Tháp	3,0	6,0	6,0	4,5	Không đạt
365	BK180370	Nguyễn Ngọc Duy Khanh	02/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,0	6,0	5,5	Trung bình
366	BK180371	Nguyễn Nhật Khanh	11/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	8,0	7,0	6,5	Trung bình
367	BK180372	Hồ Quốc Khánh	16/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	1,5	3,5	3,0	2,5	Không đạt
368	BK180373	Lê Duy Khánh	13/09/1997	Bình Phước	4,5	6,0	4,0	5,0	Trung bình
369	BK180374	Nguyễn Bảo Khánh	02/02/1998	Long An	4,5	6,0	4,0	5,0	Trung bình
370	BK180375	Nguyễn Bửu Khánh	06/03/1999	Đồng Tháp	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình
371	BK180376	Phạm Vũ Khánh	24/08/1996	Thừa Thiên - Huế	6,0	5,5	4,0	5,5	Trung bình
372	BK180377	Trần Quang Khánh	18/04/1999	Đồng Nai	6,0	6,0	4,0	5,5	Trung bình
373	BK180378	Trịnh Quang Khánh	06/03/1999	Bình Phước	6,0	6,5	5,0	6,0	Trung bình
374	BK180379	Trần Duy Khánh	12/12/1994	Bình Thuận	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
375	BK180380	Nguyễn Văn Khâu	24/04/1999	Đồng Tháp	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
376	BK180381	Nguyễn Ngọc Khê	01/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	5,5	6,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
377	BK180382	Đặng Đăng Khoa	22/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	7,5	5,0	5,0	Trung bình
378	BK180383	Huỳnh Đăng Khoa	18/07/1999	Ninh Thuận	5,0	6,5	4,0	5,0	Trung bình
379	BK180384	Huỳnh Thái Đăng Khoa	05/01/1999	Bình Thuận	4,5	4,5	6,0	5,0	Trung bình
380	BK180385	Nguyễn Duy Khoa	29/10/1998	An Giang	5,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình
381	BK180386	Trần Đăng Khoa	10/01/1999	Bình Định	5,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình
382	BK180387	Trần Đăng Khoa	18/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	7,0	6,0	Trung bình
383	BK180388	Trần Minh Khoa	21/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	8,0	4,0	6,0	Trung bình
384	BK180389	Lê Anh Khôi	03/08/1998	Bình Thuận	5,5	7,5	6,0	6,0	Trung bình
385	BK180390	Nguyễn Minh Khôi	11/10/1998	Kiên Giang	5,0	7,5	6,0	6,0	Trung bình
386	BK180391	Phan Trần Quốc Khởi	04/01/1998	Cà Mau	5,0	8,0	6,0	6,0	Trung bình
387	BK180392	Lê Hồng Khương	07/12/1996	Thanh Hoá	5,0	8,0	4,0	5,5	Trung bình
388	BK180393	Lê Trung Kiên	15/03/1999	Thái Bình	6,0	8,0	5,0	6,5	Trung bình
389	BK180394	Nguyễn Trung Kiên	23/03/1999	Cần Thơ	6,0	7,5	4,0	6,0	Trung bình
390	BK180395	Nguyễn Văn Kiên	28/05/1997	Nam Định	6,0	8,0	6,0	6,5	Trung bình
391	BK180396	Nguyễn Văn Kiên	18/09/1998	Quảng Ngãi	6,5	8,5	7,0	7,0	Khá
392	BK180397	Phan Văn Kiên	22/02/1999	Bình Định	6,0	8,5	6,0	6,5	Trung bình
393	BK180398	Lê Anh Kiệt	02/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	8,5	7,0	7,0	Khá
394	BK180399	Nguyễn Anh Kiệt	25/06/1998	Bình Thuận	6,0	8,0	6,0	6,5	Trung bình
395	BK180400	Nguyễn Minh Kiệt	27/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình
396	BK180401	Nguyễn Tuấn Kiệt	29/09/1998	Bình Thuận	4,5	4,5	4,0	4,5	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
397	BK180402	Nguyễn Tuấn Kiệt	31/01/1999	Quảng Ngãi	3,5	4,0	3,0	3,5	Không đạt
398	BK180403	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/04/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	4,0	4,0	6,0	4,5	Không đạt
399	BK180404	Phan Văn Kiệt	28/03/1997	Phú Yên	5,0	8,0	5,0	6,0	Trung bình
400	BK180405	Tô Anh Kiệt	16/09/1999	Phú Yên	6,0	8,5	8,0	7,0	Khá
401	BK180406	Trần Anh Kiệt	19/10/1998	Long An	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
402	BK180407	Trần Quang Kiệt	23/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
403	BK180408	Võ Huỳnh Anh Kiệt	11/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình
404	BK180409	Nguyễn Hoàng Kim	31/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
405	BK180410	Nguyễn Trường Kỳ	20/05/1999	Tây Ninh	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình
406	BK180411	Nguyễn Là	15/5/1997	Quảng Ngãi	5,0	5,0	8,0	6,0	Trung bình
407	BK180412	Nguyễn Thành Lả	20/03/1998	Long An	4,5	3,0	5,0	4,5	Không đạt
408	BK180413	Bùi Việt Lâm	14/10/1999	Quảng Ngãi	5,0	5,0	7,0	5,5	Trung bình
409	BK180414	Huỳnh Cảnh Lâm	02/03/1998	Quảng Ngãi	5,5	4,5	4,0	5,0	Trung bình
410	BK180415	Lê Quang Sơn Lâm	19/12/1999	Bình Thuận	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
411	BK180416	Nguyễn Duy Lâm	16/01/1998	Tiền Giang	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
412	BK180417	Nguyễn Thanh Lâm	06/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	8,0	7,0	Khá
413	BK180418	Nguyễn Văn Lâm	18/02/1999	Ninh Thuận	4,5	5,5	5,0	5,0	Trung bình
414	BK180419	Trần Văn Lâm	15/06/1999	Bình Thuận	3,5	4,5	3,0	3,5	Không đạt
415	BK180420	Võ Thế Lâm	02/05/1995	Tiền Giang	6,0	6,0	8,0	6,5	Trung bình
416	BK180421	Trương Xuân Lăm	14/07/1999	Gia Lai	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
417	BK180422	Nguyễn Thị Hoàng Lan	04/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
418	BK180423	Phạm Thị Lan	30/12/1998	Đồng Nai	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
419	BK180424	Hà Bình Ngọc Lân	13/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	4,0	9,0	7,0	Khá
420	BK180425	Phạm Lê Lai Láng	03/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	9,0	7,0	Khá
421	BK180426	Ngô Nhựt Lanh	25/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
422	BK180427	Trần Công Lành	01/01/1998	Bình Định	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
423	BK180428	Phạm Hữu Lập	29/12/1998	Long An	4,0	5,5	5,0	4,5	Không đạt
424	BK180429	Nguyễn Tấn Lê	11/11/1986	Tiền Giang	5,0	4,0	8,0	5,5	Trung bình
425	BK180430	Trần Chi Lê	02/04/1999	Bến Tre	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
426	BK180431	Phạm Tấn Lên	20/06/1999	Quảng Ngãi	5,5	5,5	6,0	5,5	Trung bình
427	BK180432	Nguyễn Thị Cẩm Liên	19/10/1998	Bình Thuận	3,0	3,5	8,0	4,5	Không đạt
428	BK180433	Nguyễn Thị Kim Liên	03/10/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,0	5,5	5,0	5,0	Trung bình
429	BK180434	Đào Nhựt Linh	10/04/1998	Long An	5,5	6,5	8,0	6,5	Trung bình
430	BK180435	Đoàn Duy Linh	13/06/1999	Quảng Ngãi	5,5	6,5	8,0	6,5	Trung bình
431	BK180436	Hoàng Quang Linh	16/09/1999	Quảng Trị	5,5	6,5	6,0	6,0	Trung bình
432	BK180437	Lê Linh	21/04/1998	Bình Thuận	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
433	BK180438	Lê Nhật Linh	25/08/1995	Lâm Đồng	6,0	8,0	9,0	7,5	Khá
434	BK180439	Lê Vũ Linh	27/10/1999	Đồng Tháp	4,0	6,5	3,0	4,5	Không đạt
435	BK180440	Nguyễn Chí Linh	20/11/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
436	BK180442	Trần Đức Nhật Linh	28/03/1998	Tiền Giang	3,0	5,0	2,0	3,5	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
437	BK180443	Trần Nguyễn Bảo Linh	02/10/1999	Gia Lai	6,0	8,0	5,0	6,5	Trung bình
438	BK180444	Trần Nhựt Linh	21/12/1998	Tiền Giang	5,5	6,5	2,0	5,0	Không đạt
439	BK180445	Văn Hồ Mỹ Linh	09/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	6,5	2,0	3,5	Không đạt
440	BK180446	Nguyễn Thị Yên Loan	27/07/1998	Đồng Tháp	2,0	3,0	5,0	3,0	Không đạt
441	BK180447	Hoàng Nguyễn Đình Lộc	14/05/1999	Bình Dương	5,0	4,5	4,0	4,5	Không đạt
442	BK180448	Huỳnh Tấn Lộc	25/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	4,5	5,0	5,0	Trung bình
443	BK180449	Huỳnh Tấn Lộc	18/02/1997	Bình Thuận	5,5	5,0	6,0	5,5	Trung bình
444	BK180450	Nguyễn Khánh Lộc	26/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	6,0	3,0	4,0	Không đạt
445	BK180451	Nguyễn Tấn Lộc	13/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	5,0	3,0	4,0	Không đạt
446	BK180452	Nguyễn Thiện Lộc	19/07/1999	Hà Nam	4,5	6,0	4,0	5,0	Trung bình
447	BK180453	Nguyễn Văn Lộc	31/08/1999	An Giang	6,0	8,0	5,0	6,5	Trung bình
448	BK180454	Phạm Lộc	17/11/1995	Nam Định	6,5	8,0	6,0	7,0	Khá
449	BK180455	Phan Huỳnh Hữu Lộc	17/02/1997	Tây Ninh	5,0	8,0	4,0	5,5	Trung bình
450	BK180456	Phùng Tấn Lộc	05/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
451	BK180457	Lê Khắc Lợi	20/01/1999	Ninh Thuận	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
452	BK180458	Trần Tấn Lợi	03/05/1999	Bạc Liêu	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
453	BK180459	Trương Viết Lợi	06/06/1998	Lâm Đồng	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
454	BK180460	Bùi Hoàng Long	05/09/1999	Bình Phước	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
455	BK180461	Đỗ Thành Long	18/12/1998	Bình Định	5,0	4,5	3,0	4,5	Không đạt
456	BK180462	Dương Đình Long	20/05/1997	Kiên Giang	5,0	3,5	1,0	3,5	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
457	BK180464	Nguyễn Văn Long	02/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	8,0	4,0	6,0	Trung bình
458	BK180465	Nguyễn Văn Long	04/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	1,5	1,0	3,0	Không đạt
459	BK180466	Hồ Anh Luân	26/12/1997	Ninh Thuận	5,0	2,5	3,0	4,0	Không đạt
460	BK180467	Huỳnh Trần Minh Luân	11/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	4,0	4,0	4,0	Không đạt
461	BK180468	Lê Đình Luân	14/08/1999	Bình Định	2,5	2,0	2,0	2,5	Không đạt
462	BK180469	Lê Minh Luân	01/10/1999	Đồng Tháp	1,0	2,0	3,0	2,0	Không đạt
463	BK180470	Nguyễn Luân	22/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	2,0	4,5	5,0	3,5	Không đạt
464	BK180471	Nguyễn Đình Luân	17/01/1997	Bình Định	2,5	2,0	4,0	3,0	Không đạt
465	BK180472	Nguyễn Ngọc Luân	18/06/1998	Bình Thuận	3,0	4,5	4,0	3,5	Không đạt
466	BK181055	Nguyễn Nhật Luân	10/05/1999	Bình Thuận	2,0	1,5	5,5	3,0	Không đạt
467	BK180473	Nguyễn Thành Luân	13/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	2,5	6,0	3,5	Không đạt
468	BK180474	Nguyễn Văn Luân	14/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	1,5	2,5	0,0	1,5	Không đạt
469	BK180475	Tăng Thành Luân	05/10/1997	Đồng Nai	4,5	3,5	5,0	4,5	Không đạt
470	BK180476	Trần Minh Luân	11/09/1998	Long An	3,5	1,5	3,0	3,0	Không đạt
471	BK180477	Vương Đức Luân	24/04/1998	Bình Thuận	3,0	2,0	5,0	3,5	Không đạt
472	BK180479	Hồ Tấn Lực	01/09/1999	Quảng Ngãi	1,5	5,0	2,0	2,5	Không đạt
473	BK180480	Điền Gơ Lui	20/05/1997	Bình Phước	3,0	5,0	4,0	4,0	Không đạt
474	BK180481	Đào Tấn Lượng	01/11/1999	An Giang	5,5	6,5	7,0	6,0	Trung bình
475	BK180482	Đinh Viết Lượng	09/09/1996	Bình Phước	5,0	7,0	5,5	5,5	Trung bình
476	BK180483	Lê Thành Lượng	31/07/1997	Long An	3,5	4,0	0,0	3,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
477	BK180484	Trần Quang Lý	17/01/1998	Quảng Nam	3,5	6,0	6,5	5,0	Trung bình
478	BK180485	Đông Thị Ngọc Mai	18/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	4,0	6,5	4,5	Không đạt
479	BK180486	Hồ Thị Mai	27/09/1998	Quảng Ngãi	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
480	BK180487	Trần Thị Mai	21/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	3,5	7,5	4,5	Không đạt
481	BK180488	Nguyễn Trần Minh Mẫn	03/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	5,5	6,0	4,5	Không đạt
482	BK180489	Nguyễn Văn Mẫn	27/02/1998	Bình Thuận	5,5	3,0	6,5	5,0	Trung bình
483	BK180490	Nguyễn Xuân Mãnh	22/06/1998	Bình Thuận	5,5	7,0	2,0	5,0	Không đạt
484	BK180491	Hồ Văn Mạnh	22/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,5	4,5	5,5	Trung bình
485	BK180492	Nguyễn Tiến Mạnh	11/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,0	7,5	6,5	Trung bình
486	BK180493	Bùi Thế Minh	11/10/1999	Bắc Ninh	4,5	7,5	5,0	5,5	Trung bình
487	BK180494	Châu Hoàng Minh	01/12/1998	Long An	5,0	6,5	4,5	5,5	Trung bình
488	BK180495	Đặng Quang Minh	29/11/1998	Đồng Tháp	6,0	6,5	5,5	6,0	Trung bình
489	BK180496	Hàng Nhật Minh	29/06/1999	Bình Thuận	4,0	9,0	6,5	6,0	Trung bình
490	BK180497	Huỳnh Hoàng Công Minh	31/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	2,0	8,0	4,5	4,0	Không đạt
491	BK180498	Huỳnh Ngọc Tuyết Minh	23/11/1998	Bình Thuận	4,0	6,5	7,0	5,5	Trung bình
492	BK180499	Nguyễn Chí Minh	11/03/1999	Long An	3,0	3,0	3,0	3,0	Không đạt
493	BK180500	Nguyễn Công Minh	20/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,5	4,5	5,0	Trung bình
494	BK180501	Nguyễn Công Minh	01/09/1998	Tiền Giang	6,0	6,0	2,0	5,0	Không đạt
495	BK180502	Nguyễn Nhật Minh	02/11/1998	Tây Ninh	4,5	6,0	5,5	5,0	Trung bình
496	BK180503	Nguyễn Văn Minh	02/08/1998	Quảng Ngãi	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
497	BK180504	Phạm Hùng Minh	16/03/1998	Long An	5,0	6,5	5,0	5,5	Trung bình
498	BK180505	Trần Công Minh	25/06/1999	Phú Yên	5,5	6,0	3,0	5,0	Trung bình
499	BK180506	Trần Công Minh	19/08/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình
500	BK181046	Trần Hữu Hoàng Minh	08/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	8,0	9,0	7,0	Khá
501	BK180507	Trần Quang Minh	21/01/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	6,0	7,0	8,0	7,0	Khá
502	BK180508	Trần Vĩnh Minh	20/09/1998	Đồng Nai	5,5	5,0	8,0	6,0	Trung bình
503	BK180509	Trương Vũ Hải Minh	09/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,0	5,5	5,0	Trung bình
504	BK180510	Võ Văn Nhựt Minh	13/09/1999	Trà Vinh	3,0	4,0	3,0	3,5	Không đạt
505	BK180511	Vũ Đức Minh	08/02/1998	Kiên Giang	4,5	5,5	8,5	6,0	Trung bình
506	BK180512	Dương Thị Trà My	10/08/1999	Bình Thuận	5,0	7,5	3,0	5,0	Trung bình
507	BK180513	Huỳnh Thị Diễm My	10/11/1999	Đồng Tháp	5,0	7,5	6,0	6,0	Trung bình
508	BK180514	Đỗ Thị Mỹ	15/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	2,5	5,0	4,0	Không đạt
509	BK180515	Nguyễn Văn Mỹ	25/02/1999	Quảng Ngãi	2,0	6,0	1,0	3,0	Không đạt
510	BK180516	Đặng Duy Nam	22/10/1999	Tây Ninh	3,0	6,0	6,5	4,5	Không đạt
511	BK180517	Đặng Hoàng Nam	17/01/1998	Bình Định	4,0	6,0	5,0	5,0	Trung bình
512	BK180518	Diệp Thanh Nam	03/03/1998	Ninh Thuận	4,0	7,5	7,5	6,0	Trung bình
513	BK180519	Đoàn Đặng Nam	10/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
514	BK180520	Lâm Hà Nam	10/10/1999	Quảng Ngãi	4,5	8,0	5,0	5,5	Trung bình
515	BK180521	Lê Hoàng Nam	06/09/1998	Bình Phước	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
516	BK180522	Lê Nhật Nam	25/08/1995	Lâm Đồng	6,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
517	BK180523	Ngô Nguyễn Hoài	Nam	19/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	4,5	4,0	4,5	Không đạt
518	BK180524	Nguyễn Hoài	Nam	10/08/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	7,0	7,0	4,0	6,5	Trung bình
519	BK180525	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	27/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	7,0	7,0	Khá
520	BK180526	Nguyễn Phương	Nam	20/03/1998	Đắk Nông	6,0	7,0	8,0	7,0	Khá
521	BK180527	Nguyễn Phương	Nam	07/7/1997	Quảng Nam	4,5	7,0	4,0	5,0	Trung bình
522	BK180528	Nguyễn Thành	Nam	20/01/1997	Bình Thuận	5,0	6,5	5,0	5,5	Trung bình
523	BK180529	Nguyễn Thành	Nam	08/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	4,0	7,0	5,0	Trung bình
524	BK180530	Nguyễn Trung	Nam	26/01/1997	Bình Thuận	7,0	6,0	6,0	6,5	Trung bình
525	BK180531	Nguyễn Văn	Nam	01/05/1996	Đắk Lắk	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
526	BK180532	Trần Phú	Nam	16/08/1998	Gia Lai	7,0	6,5	5,0	6,5	Trung bình
527	BK180533	Trần Phương	Nam	01/09/1999	Bình Phước	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
528	BK180534	Trần Xuân	Nam	28/06/1998	Bình Thuận	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
529	BK180535	Trịnh Hoàng	Nam	06/03/1999	Quảng Ngãi	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
530	BK180536	Vũ Nhật	Nam	17/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
531	BK180537	Huỳnh Văn	Năng	12/01/1998	Bình Định	6,0	6,5	6,0	6,0	Trung bình
532	BK180538	Phan Tấn	Nên	27/08/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
533	BK180539	Võ Thị Mỹ	Nga	10/10/1998	Quảng Ngãi	6,5	4,5	5,0	5,5	Trung bình
534	BK180540	Lý Kim	Ngân	25/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
535	BK180541	Ngô Thị Kim	Ngân	24/03/1999	Long An	2,5	2,0	4,0	3,0	Không đạt
536	BK180542	Nguyễn Thanh	Ngân	08/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
537	BK180543	Phan Thanh Nghi	04/04/1999	Long An	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
538	BK180544	Bùi Hiếu Nghia	28/05/1999	Bến Tre	3,0	7,5	5,0	4,5	Không đạt
539	BK180545	Đào Nguyễn Trọng Nghia	25/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	6,0	6,0	5,0	Trung bình
540	BK180546	Đinh Trung Nghia	05/10/1997	Đồng Nai	3,0	4,5	7,0	4,5	Không đạt
541	BK180547	Đỗ Bảo Nghia	23/02/1999	Lâm Đồng	3,0	6,0	5,0	4,5	Không đạt
542	BK180548	Đỗ Trọng Nghia	10/11/1998	Bến Tre	3,0	6,0	6,0	4,5	Không đạt
543	BK180549	Huỳnh Tấn Nghia	20/07/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,0	7,5	4,0	4,5	Không đạt
544	BK180550	Kiều Chính Nghia	12/03/1995	Ninh Thuận	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
545	BK180551	Lê Hữu Nghia	12/06/1999	Đồng Tháp	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
546	BK180552	Nguyễn Cao Nghia	06/04/1998	Đắk Lắk	5,5	6,5	7,0	6,0	Trung bình
547	BK180554	Nguyễn Trọng Nghia	01/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
548	BK180555	Nguyễn Trọng Nghia	16/11/1999	Tiền Giang	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
549	BK180556	Nguyễn Trọng Nghia	30/08/1999	Long An	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
550	BK180557	Nguyễn Văn Nghia	30/10/1996	Quảng Trị	6,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình
551	BK180558	Phạm Văn Nghia	10/01/1999	Bình Thuận	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
552	BK180559	Tổng Hoàn Nghia	22/03/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,5	6,5	6,0	6,0	Trung bình
553	BK180560	Vũ Nguyễn Nghia	08/08/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	4,5	6,5	4,0	5,0	Trung bình
554	BK180561	Lê Thị Bích Ngọc	19/09/1998	Bình Định	4,5	6,0	8,0	6,0	Trung bình
555	BK180562	Phùng Xuân Bảo Ngọc	13/04/1999	Bình Phước	4,0	6,0	8,0	5,5	Trung bình
556	BK180563	Đặng Đình Nguyên	09/08/1999	Đắk Lắk	3,5	6,0	6,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
557	BK180564	Lê Khắc Nguyên	20/05/1997	Bình Phước	5,5	7,5	8,0	6,5	Trung bình
558	BK180565	Nguyễn Đạt Nguyên	29/06/1998	Bình Thuận	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
559	BK180566	Nguyễn Trần Khai Nguyên	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,5	6,0	5,5	Trung bình
560	BK180567	Nguyễn Trung Nguyên	10/12/1998	Đồng Nai	4,5	7,5	7,0	6,0	Trung bình
561	BK180568	Nguyễn Trường Nguyên	19/12/1999	Trà Vinh	4,0	7,5	7,0	5,5	Trung bình
562	BK180569	Nông Sĩ Nguyên	02/01/1998	Lâm Đồng	4,5	7,0	9,0	6,5	Trung bình
563	BK180570	Lê Thanh Nhã	13/10/1998	Bình Phước	5,0	6,5	7,0	6,0	Trung bình
564	BK180571	Trương Phạm Tuấn Nhã	21/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	9,0	6,5	Trung bình
565	BK180572	Võ Hồng Nhã	07/01/1999	Bình Định	2,5	5,5	7,0	4,5	Không đạt
566	BK180573	Trần Hoàng Nhạc	20/06/1998	Đồng Tháp	5,5	6,5	6,5	6,0	Trung bình
567	BK181047	Phạm Thị Nhân	20/02/1999	Gia Lai	3,5	7,0	4,5	4,5	Không đạt
568	BK180574	Bùi Trọng Nhân	03/11/1999	Long An	4,5	6,5	6,5	5,5	Trung bình
569	BK180575	Hồ Anh Nhân	22/02/1998	Bình Định	4,5	6,0	6,0	5,5	Trung bình
570	BK180576	Kiều Chí Nhân	17/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,0	10,0	7,0	Khá
571	BK180577	Lê Hữu Nhân	09/07/1999	Tiền Giang	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
572	BK180578	Lư Bùi Thanh Nhân	31/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
573	BK180579	Ngô Trục Nhân	03/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,5	7,5	6,5	Trung bình
574	BK180580	Nguyễn Phan Thanh Nhân	12/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	8,0	7,0	Khá
575	BK180581	Nguyễn Thanh Nhân	05/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình
576	BK180582	Nguyễn Văn Nhân	12/07/1998	Bình Định	4,5	7,5	6,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
577	BK180583	Phạm Thế Nhân	15/09/1992	Bình Thuận	6,0	7,0	8,0	7,0	Khá
578	BK180584	Phan Thanh Nhân	14/11/1997	Ninh Thuận	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
579	BK180585	Trần Trọng Nhân	19/02/1999	Long An	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
580	BK180586	Trương Văn Nhẫn	29/03/1998	An Giang	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
581	BK180587	Lê Trung Nhẫn	25/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,0	9,0	7,5	Khá
582	BK180588	Đoàn Trung Nhất	04/02/1999	Ninh Thuận	5,5	7,5	8,0	6,5	Trung bình
583	BK180589	Mai Đức Nhật	14/04/1998	Kiên Giang	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
584	BK180590	Nguyễn Anh Nhật	30/05/1999	Đồng Nai	5,5	5,5	8,0	6,0	Trung bình
585	BK180591	Thái Quang Nhật	27/05/1999	Hà Tĩnh	6,0	4,0	8,0	6,0	Trung bình
586	BK180592	Đặng Hiếu Nhi	03/04/1996	Vĩnh Long	5,5	3,5	5,0	5,0	Trung bình
587	BK180593	Trịnh Ngọc Nhi	05/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	3,5	8,0	6,0	Trung bình
588	BK180594	Nguyễn Quốc Nhiên	04/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	5,5	7,0	6,5	Trung bình
589	BK180595	Lê Thành Nhon	12/12/1998	Bình Định	7,0	6,0	7,0	7,0	Khá
590	BK180596	Lý Bội Như	07/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	4,0	8,5	6,5	Trung bình
591	BK180597	Phạm Nguyễn Yến Như	08/11/1999	Bình Phước	5,0	5,0	8,5	6,0	Trung bình
592	BK180598	Trần Ngọc Nhứt	18/4/1994	Cần Thơ	7,0	4,0	9,0	7,0	Khá
593	BK180599	Huỳnh Hoàng Nhựt	11/08/1999	Long An	4,0	7,5	7,5	6,0	Trung bình
594	BK180600	Nguyễn Hoàng Minl Nhựt	29/07/1999	Long An	5,5	3,0	9,0	6,0	Trung bình
595	BK180601	Nguyễn Văn Nhựt	16/04/1999	Long An	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
596	BK180602	Huỳnh Tấn Niên	26/07/1999	Bình Định	4,5	4,5	3,0	4,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
597	BK180603	Phan Văn	Nước	05/01/1999	Đồng Nai	3,5	4,0	3,0	3,5	Không đạt
598	BK180604	Trương Hữu	Phạm	17/02/1998	An Giang	3,5	4,0	4,0	4,0	Không đạt
599	BK180605	Đỗ Anh	Pháp	12/04/1998	Bình Thuận	3,0	3,5	5,0	3,5	Không đạt
600	BK180606	Hồ Văn	Pháp	17/03/1999	Bình Thuận	3,0	4,0	4,0	3,5	Không đạt
601	BK180607	Đồng Kiến	Phát	13/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,0	7,0	5,5	Trung bình
602	BK180608	Hồ Tấn	Phát	25/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,5	7,5	5,5	Trung bình
603	BK180609	Hồ Văn	Phát	10/05/1999	Long An	5,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình
604	BK180610	Lê Hoàng	Phát	26/11/1999	Quảng Ngãi	2,5	5,5	0,0	2,5	Không đạt
605	BK180611	Nguyễn Thành	Phát	18/04/1999	Long An	4,0	4,0	6,5	4,5	Không đạt
606	BK180612	Nguyễn Văn	Phát	15/10/1997	Bạc Liêu	3,5	3,5	5,0	4,0	Không đạt
607	BK180613	Tạ Ngọc	Phát	25/08/1998	Kiên Giang	5,0	6,0	7,5	6,0	Trung bình
608	BK180614	Tăng Tấn	Phát	21/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,5	5,5	6,0	Trung bình
609	BK180615	Trần Kim	Phát	16/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	7,5	7,0	Khá
610	BK180616	Trần Tấn	Phát	14/07/1997	Tiền Giang	4,5	5,5	3,0	4,5	Không đạt
611	BK180617	Trương Gia	Phát	01/11/1999	Thừa Thiên - Huế	6,5	7,0	8,0	7,0	Khá
612	BK180618	Lê Hoàng	Phi	02/05/1999	Tây Ninh	5,0	5,5	4,5	5,0	Trung bình
613	BK180619	Nguyễn Trọng	Phi	06/07/1999	Nghệ An	4,5	5,5	3,5	4,5	Không đạt
614	BK180620	Trần Quốc Tấn	Phi	09/02/1999	Bến Tre	5,0	5,0	3,5	4,5	Không đạt
615	BK180621	Đình Thanh	Phong	27/08/1999	Đồng Nai	4,5	4,5	6,5	5,0	Trung bình
616	BK180622	Hồ	Phong	26/05/1999	Đồng Nai	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
617	BK180623	Huỳnh Thanh Phong	30/09/1998	Long An	3,5	4,5	7,5	5,0	Trung bình
618	BK180624	Kha Hoài Phong	27/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	4,5	6,0	4,5	Không đạt
619	BK180625	Nguyễn Thanh Phong	15/5/1994	Tiền Giang	3,0	4,0	7,5	4,5	Không đạt
620	BK180626	Phạm Hữu Phong	30/7/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	3,5	6,0	4,0	Không đạt
621	BK180627	Phan Chế Phong	07/06/1999	Tiền Giang	4,0	2,0	5,5	4,0	Không đạt
622	BK180628	Trần Quốc Phong	15/12/1998	Kiên Giang	3,0	5,0	6,0	4,5	Không đạt
623	BK180629	Võ Tấn Phong	31/03/1999	Đồng Tháp	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
624	BK180630	Đinh Hoàng Phú	13/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình
625	BK180631	Đinh Vĩnh Phú	04/02/1997	Đồng Nai	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
626	BK180632	Lê Đình Phú	19/08/1998	Lâm Đồng	3,5	4,5	6,5	4,5	Không đạt
627	BK180633	Lê Thanh Phú	14/01/1998	Cà Mau	3,0	4,0	7,0	4,5	Không đạt
628	BK180634	Nguyễn Đức Phú	15/02/1998	Long An	5,0	4,0	7,5	5,5	Trung bình
629	BK180635	Nguyễn Hữu Phú	11/11/1999	Sóc Trăng	3,5	2,0	6,0	4,0	Không đạt
630	BK180636	Nguyễn Võ Phú	18/01/1998	Quảng Ngãi	4,5	3,5	3,0	4,0	Không đạt
631	BK180637	Phạm Duy Phú	28/06/1998	Quảng Ngãi	3,0	2,0	6,5	3,5	Không đạt
632	BK180638	Phạm Văn Phú	28/03/1999	Quảng Ngãi	1,5	3,0	0,0	1,5	Không đạt
633	BK180639	Phùng Hoàng Thiên Phú	03/06/1999	Lâm Đồng	2,0	4,0	6,0	3,5	Không đạt
634	BK180640	Trần Thanh Phú	16/07/1998	An Giang	2,0	2,5	6,5	3,5	Không đạt
635	BK180641	Vưu Thiên Phú	01/01/1997	Ninh Thuận	5,5	6,5	8,5	6,5	Trung bình
636	BK180642	Bùi Thanh Phúc	23/05/1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	4,0	8,0	5,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
637	BK180643	Đào Võ Thanh	Phúc	08/04/1997	Đồng Tháp	5,0	6,5	4,0	5,0	Trung bình
638	BK180644	Huỳnh Hữu	Phúc	27/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	4,5	6,0	4,5	Không đạt
639	BK180645	Huỳnh Khá	Phúc	04/02/1998	Long An	5,5	5,5	4,0	5,0	Trung bình
640	BK180646	Lê Văn	Phúc	30/11/1999	Bình Định	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
641	BK180647	Nguyễn Hoàng	Phúc	06/1998	Long An	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
642	BK180648	Nguyễn Hoàng	Phúc	21/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	6,5	6,0	Trung bình
643	BK180649	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/08/1998	Đồng Nai	6,0	5,5	8,0	6,5	Trung bình
644	BK180650	Nguyễn Hoàng	Phúc	18/04/1998	Long An	3,5	6,5	7,5	5,5	Trung bình
645	BK180651	Nguyễn Hoàng Anh	Phúc	06/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,5	8,5	6,0	Trung bình
646	BK180652	Nguyễn Hoàng Huy	Phúc	26/06/1998	Long An	4,5	4,0	5,5	4,5	Không đạt
647	BK180653	Nguyễn Hồng	Phúc	13/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
648	BK180654	Nguyễn Hồng	Phúc	28/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	8,0	6,0	Trung bình
649	BK180655	Nguyễn Ngọc	Phúc	12/04/1999	Đồng Tháp	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
650	BK180656	Nguyễn Vũ Minh	Phúc	30/03/1999	Bình Thuận	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình
651	BK180657	Nông Ngọc	Phúc	17/11/1999	Tây Ninh	5,5	5,5	5,0	5,5	Trung bình
652	BK180658	Phạm Phú	Phúc	01/03/1999	Quảng Ngãi	4,5	5,0	4,0	4,5	Không đạt
653	BK180659	Phan Thị Hồng	Phúc	29/11/1998	Bình Thuận	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
654	BK180660	Sơn Minh	Phúc	18/02/1999	Đồng Nai	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
655	BK180661	Trần Hữu	Phúc	19/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,5	4,0	6,0	Trung bình
656	BK180662	Trịnh Hoàng	Phúc	30/11/1998	Quảng Ngãi	7,0	7,0	5,0	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
657	BK180663	Võ Hữu	Phúc	23/10/1999	Quảng Ngãi	6,0	7,0	6,5	6,5	Trung bình
658	BK180664	Võ Vũ Hồng	Phúc	02/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	4,0	6,0	5,0	Trung bình
659	BK180665	Lưu Minh	Phụng	19/10/1998	Tiền Giang	4,5	6,0	4,0	5,0	Trung bình
660	BK180666	Vũ Kim	Phụng	29/09/2000	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	4,0	7,5	5,5	Trung bình
661	BK180667	Đào Anh	Phương	05/09/1999	Kiên Giang	5,0	4,0	5,5	5,0	Trung bình
662	BK180668	Hà Hoàng	Phương	05/10/1996	Đồng Tháp	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
663	BK180669	Hín Đức	Phương	01/08/1996	Đồng Nai	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
664	BK180670	Lê Minh	Phương	18/02/1999	Quảng Ngãi	3,5	7,5	5,0	5,0	Trung bình
665	BK180671	Nguyễn Hoàng	Phương	01/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	7,0	6,0	Trung bình
666	BK181048	Nguyễn Minh	Phương	27/08/1999	Tây Ninh	4,5	4,5	7,0	5,0	Trung bình
667	BK180672	Nguyễn Thị Thanh	Phương	01/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
668	BK180673	Phạm Linh	Phương	20/03/1999	Quảng Ngãi	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
669	BK180674	Phan Hoài	Phương	13/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
670	BK180675	Trần Đỗ Hồng	Phương	28/09/1998	Bình Phước	5,5	4,5	4,0	5,0	Trung bình
671	BK180676	Trần Duy	Phương	05/05/1999	Bình Thuận	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
672	BK180677	Trần Hoài	Phương	24/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,0	6,0	5,5	Trung bình
673	BK180678	Nguyễn Thị Thu	Phượng	02/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
674	BK180679	Đặng Hoàng Minh	Quân	07/08/1999	Đồng Nai	5,5	7,5	8,0	6,5	Trung bình
675	BK180681	Nguyễn Minh	Quân	05/09/1998	Tiền Giang	5,5	6,5	7,0	6,0	Trung bình
676	BK180682	Phan Văn	Quân	13/04/1999	Bình Thuận	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
677	BK180683	Trần Phan Quốc Quân	07/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,5	7,0	6,5	Trung bình
678	BK180684	Đặng Đoàn Việt Quang	03/08/1999	Quảng Ngãi	3,5	4,0	5,0	4,0	Không đạt
679	BK180685	Nguyễn Thanh Quang	22/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	4,5	5,0	5,0	Trung bình
680	BK180686	Phạm Vinh Quang	03/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,0	5,0	5,5	Trung bình
681	BK180687	Trần Minh Quang	17/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	5,5	7,0	6,5	Trung bình
682	BK180688	Đoàn Hồ Anh Quý	20/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	6,5	5,0	6,5	Trung bình
683	BK180689	Hoàng Minh Quý	22/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	7,0	6,0	6,0	Trung bình
684	BK180690	Lưu Phú Quý	20/04/1998	Tiền Giang	5,0	7,5	4,0	5,5	Trung bình
685	BK180691	Võ Văn Quý	03/02/1999	Tây Ninh	4,5	7,5	4,0	5,0	Trung bình
686	BK180692	Đặng Anh Quốc	22/08/1999	Bình Định	7,0	6,5	4,0	6,0	Trung bình
687	BK180693	Nguyễn Hữu Quốc	02/10/1997	Phú Yên	5,5	7,5	4,0	5,5	Trung bình
688	BK180694	Phan Anh Quốc	13/07/1994	Phú Yên	5,0	7,5	5,0	5,5	Trung bình
689	BK180695	Tôn Minh Quốc	20/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
690	BK180696	Võ Quang Quy	30/05/1995	Khánh Hoà	7,5	6,5	6,0	7,0	Khá
691	BK180697	Đoàn Ngọc Quý	17/03/1999	Lâm Đồng	7,5	7,5	6,0	7,0	Khá
692	BK180698	Lê Văn Quý	10/09/1998	Long An	5,5	7,0	6,0	6,0	Trung bình
693	BK180699	Mai Trọng Quý	27/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình
694	BK180700	Mạnh Xuân Quý	20/9/1993	Hà Tĩnh	7,0	7,5	4,0	6,5	Trung bình
695	BK180701	Ngô Minh Quý	14/05/1998	Bình Thuận	2,5	3,5	5,0	3,5	Không đạt
696	BK180702	Nguyễn Nhật Quý	23/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
697	BK180703	Trần Đình Quý	24/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	8,0	7,0	Khá
698	BK180704	Vương Gia Quý	12/09/1998	Đồng Nai	4,0	6,5	6,0	5,0	Trung bình
699	BK180705	Huỳnh Thị Lệ Quyên	08/08/1999	Quảng Nam	2,5	6,0	8,0	5,0	Trung bình
700	BK180706	Mai Chức Quyền	26/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	7,5	4,0	5,5	Trung bình
701	BK180707	Phan Quang Quyền	11/04/1999	Phú Yên	2,5	7,0	3,0	4,0	Không đạt
702	BK180708	Nguyễn Thành Sang	02/11/1998	Bến Tre	4,5	7,5	3,0	5,0	Trung bình
703	BK180709	Phạm Đình Sang	29/06/1998	Đắk Lắk	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
704	BK180710	Phan Phú Sang	25/02/1998	Kiên Giang	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
705	BK180711	Võ Hoàng Sang	23/06/1998	Đồng Tháp	4,5	5,0	5,0	5,0	Trung bình
706	BK180712	Nguyễn Văn Sáng	20/03/1999	Ninh Thuận	5,5	9,0	3,0	6,0	Trung bình
707	BK180713	Trần Minh Sáng	12/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	9,0	7,0	7,5	Khá
708	BK180714	Văn Hà Sanh	30/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	7,0	6,5	Trung bình
709	BK180715	Đặng Văn Sĩ	27/05/1999	Vĩnh Phúc	4,5	5,5	5,0	5,0	Trung bình
710	BK180716	Bành Thái Sơn	26/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,0	8,0	8,0	Giỏi
711	BK180717	Bùi Hoàng Sơn	24/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	8,0	7,0	Khá
712	BK180718	Dương Thanh Sơn	19/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,5	7,0	6,0	Trung bình
713	BK180719	Hứa Trường Sơn	14/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	5,5	5,0	6,0	Trung bình
714	BK180720	Lê Quang Sơn	20/05/1996	Lâm Đồng	5,5	7,0	4,0	5,5	Trung bình
715	BK180721	Nguyễn Đức Xuân Sơn	11/09/1999	Đắk Lắk	7,0	7,0	6,0	7,0	Khá
716	BK180722	Nguyễn Hải Sơn	29/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,0	8,0	7,5	Khá

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
717	BK180723	Nguyễn Hồng Sơn	07/03/1998	Đắk Lắk	6,5	7,5	5,5	6,5	Trung bình
718	BK180724	Nguyễn Ngọc Sơn	02/11/1999	Phú Yên	6,5	7,5	5,5	6,5	Trung bình
719	BK180725	Nguyễn Trường Sơn	21/01/1999	Vĩnh Long	5,0	3,5	8,0	5,5	Trung bình
720	BK180726	Nguyễn Văn Sơn	20/04/1996	Ninh Bình	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình
721	BK180727	Trần Đình Sơn	16/11/1996	Bình Phước	7,0	8,0	5,0	7,0	Khá
722	BK180728	Cao Văn Sỹ	07/01/1998	Thanh Hoá	7,0	8,5	5,5	7,0	Khá
723	BK180729	Lê Xuân Sỹ	12/5/1998	Quảng Trị	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
724	BK180730	Đinh Hữu Tài	22/07/1998	Bình Thuận	6,0	5,5	7,0	6,0	Trung bình
725	BK180731	Lâm Tấn Tài	09/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	8,0	7,0	7,0	Khá
726	BK180732	Lê Hữu Tài	14/06/1998	Đồng Nai	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
727	BK180733	Lê Nguyễn Phát Tài	02/02/1999	Tiền Giang	6,5	7,0	6,0	6,5	Trung bình
728	BK180734	Nguyễn Tấn Tài	07/12/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
729	BK180735	Phạm Minh Tài	03/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	9,0	5,0	6,5	Trung bình
730	BK180736	Phạm Tấn Tài	17/02/1998	Kiên Giang	7,5	8,5	6,0	7,5	Khá
731	BK180737	Phan Minh Tài	14/12/1999	Quảng Nam	6,5	7,5	5,5	6,5	Trung bình
732	BK180738	Phùng Anh Tài	05/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	6,0	5,5	6,5	Trung bình
733	BK180739	Tạ Công Tài	18/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,5	9,0	7,5	Khá
734	BK180740	Tăng Thiên Tài	15/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	4,5	7,0	6,0	Trung bình
735	BK180741	Trần Chí Tài	20/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	4,5	5,0	5,5	Trung bình
736	BK180742	Trần Tấn Tài	02/02/1998	Bạc Liêu	6,5	9,0	4,5	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
737	BK180743	Trần Tấn Tài	02/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	9,0	6,0	7,5	Khá
738	BK180744	Trần Thế Tài	30/07/1998	Kon Tum	7,0	8,0	4,5	6,5	Trung bình
739	BK180745	Cao Thị Thu Tâm	01/09/1999	Bến Tre	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
740	BK180746	Đinh Thanh Tâm	20/10/1999	Bình Định	6,5	7,5	4,0	6,0	Trung bình
741	BK180747	Huỳnh Minh Tâm	19/02/1999	Long An	6,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình
742	BK180748	Lê Hồng Tâm	16/03/1999	Lâm Đồng	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
743	BK180749	Lê Hữu Tâm	06/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	2,0	5,5	Không đạt
744	BK180750	Lê Văn Chí Tâm	16/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
745	BK180751	Nguyễn Minh Tâm	08/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
746	BK180752	Nguyễn Tấn Tâm	22/09/1994	Long An	8,0	7,5	2,0	6,5	Không đạt
747	BK180753	Nguyễn Thanh Tâm	02/04/1990	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	7,5	7,0	8,0	Giỏi
748	BK180754	Nguyễn Thành Tâm	28/03/1998	Long An	6,5	7,0	5,5	6,5	Trung bình
749	BK180755	Nguyễn Xuân Tâm	12/06/1999	Bình Định	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình
750	BK180756	Phạm Thảo Tâm	26/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	6,0	6,5	Trung bình
751	BK180757	Phan Linh Tâm	13/11/1999	Long An	4,0	4,0	6,0	4,5	Không đạt
752	BK180758	Trần Minh Tâm	10/9/1998	Đồng Nai	3,5	6,0	7,0	5,0	Trung bình
753	BK180759	Võ Minh Tâm	15/07/1997	Tây Ninh	5,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình
754	BK180760	Bùi Duy Tân	09/12/1999	Bình Thuận	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
755	BK180761	Lê Minh Tân	26/06/1999	Bến Tre	4,5	6,5	6,0	5,5	Trung bình
756	BK180762	Lê Minh Tân	21/06/1999	An Giang	5,0	6,5	4,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
757	BK180764	Nguyễn Duy Tân	18/02/1995	Long An	1,5	3,5	0,0	1,5	Không đạt
758	BK180765	Nguyễn Văn Nhựt Tân	18/09/1998	Long An	5,5	7,5	6,5	6,5	Trung bình
759	BK180766	Phan Minh Tân	16/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
760	BK180767	Phan Minh Tân	26/10/1997	Tiền Giang	5,5	7,0	5,5	6,0	Trung bình
761	BK180768	Trương Hữu Tân	22/04/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	4,0	5,0	3,5	4,0	Không đạt
762	BK180769	Huỳnh Quang Tấn	15/10/1998	Tiền Giang	3,5	4,5	4,5	4,0	Không đạt
763	BK180770	Huỳnh Văn Tánh	30/01/1999	Quảng Ngãi	6,0	6,0	4,0	5,5	Trung bình
764	BK180771	Ngô Văn Tánh	25/05/1999	Bạc Liêu	6,5	6,0	5,5	6,0	Trung bình
765	BK180772	Phạm Văn Tạo	30/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	5,5	6,0	Trung bình
766	BK180773	Trần Văn Tây	19/12/1998	Đồng Tháp	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
767	BK180774	Lê Đức Thạch	16/10/1999	Bình Định	6,5	6,0	3,5	5,5	Trung bình
768	BK180775	Ngô Ngọc Thạch	14/01/1999	Long An	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
769	BK180776	Nguyễn Ngọc Thạch	01/01/1998	Bình Định	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
770	BK180777	Trần Thiên Thạch	25/03/1999	Bình Phước	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
771	BK180778	Trang Tường Thạch	07/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,5	5,5	6,0	Trung bình
772	BK180780	Lương Công Thái	24/12/1997	Phú Yên	6,5	7,5	6,5	7,0	Khá
773	BK180781	Nguyễn Hoàng Thái	28/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
774	BK180782	Nguyễn Hoàng Thái	10/05/1999	Tây Ninh	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
775	BK180783	Trần Hoàng Thái	03/12/1999	Long An	6,5	5,0	4,5	5,5	Trung bình
776	BK180784	Trần Thanh Thái	30/11/1999	Long An	6,5	5,5	6,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
777	BK180785	Võ Quang Thái	15/05/1999	Quảng Ngãi	6,5	5,5	3,0	5,5	Trung bình
778	BK180786	Trần Minh Thân	03/06/1998	Long An	6,0	6,0	5,5	6,0	Trung bình
779	BK180787	Đặng Chiến Thắng	01/06/1998	Phú Yên	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
780	BK180788	Dương Đức Thắng	25/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,5	5,0	5,5	Trung bình
781	BK180789	Dương Thành Thắng	28/08/1999	Bến Tre	5,0	7,5	7,0	6,0	Trung bình
782	BK180790	Lai Quang Thắng	05/10/1999	Đồng Nai	5,5	7,5	7,5	6,5	Trung bình
783	BK180791	Lê Quang Thắng	01/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	6,5	6,0	5,0	Trung bình
784	BK180792	Lê Tuấn Thắng	20/06/1997	Quảng Ngãi	6,0	6,5	4,5	6,0	Trung bình
785	BK180793	Nguyễn Quốc Thắng	27/02/1999	Tiền Giang	3,5	6,0	5,5	4,5	<i>Không đạt</i>
786	BK180794	Nguyễn Văn Thắng	14/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,5	7,0	6,5	Trung bình
787	BK180795	Phạm Hồng Thắng	06/5/1997	Đồng Nai	6,5	6,5	7,0	6,5	Trung bình
788	BK180796	Huỳnh Văn Trúc Thanh	03/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
789	BK180797	Ngô Quế Thanh	03/03/1998	Bình Định	1,5	2,5	3,5	2,5	<i>Không đạt</i>
790	BK180798	Trương Đan Thanh	03/03/1999	Đồng Tháp	6,5	6,5	5,5	6,5	Trung bình
791	BK180799	Trương Hoài Thanh	22/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình
792	BK180800	Cao Văn Thành	05/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,5	5,0	5,5	Trung bình
793	BK180801	Huỳnh Tiến Thành	10/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,0	5,0	6,5	Trung bình
794	BK180802	Lâm Minh Thành	02/07/1999	Sóc Trăng	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
795	BK180803	Lê Tấn Thành	13/09/1999	Quảng Ngãi	5,5	7,5	4,0	5,5	Trung bình
796	BK180804	Lê Văn Thành	01/07/1998	Kiên Giang	5,5	5,5	5,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
797	BK180805	Nguyễn Chí Thành	14/05/1999	Long An	5,5	4,5	3,0	4,5	Không đạt
798	BK180806	Phạm Tấn Thành	03/09/1999	Đồng Tháp	7,0	4,5	5,0	6,0	Trung bình
799	BK180807	Bạch Thị Kim Thảo	25/08/1997	Tiền Giang	7,5	5,5	7,0	7,0	Khá
800	BK180808	Đỗ Duy Thảo	06/11/1998	Tây Ninh	7,5	5,5	5,0	6,5	Trung bình
801	BK180809	Trần Thu Thảo	01/01/1999	Sóc Trăng	6,0	5,5	6,0	6,0	Trung bình
802	BK180810	Nguyễn Ngọc Thạo	13/11/1997	Bình Định	6,0	7,5	6,0	6,5	Trung bình
803	BK180811	Phạm Khắc Thạo	14/03/1997	Nam Định	5,0	7,5	3,0	5,0	Trung bình
804	BK180812	Huỳnh Văn Thật	06/01/1999	Bình Thuận	4,5	7,5	3,0	5,0	Trung bình
805	BK180813	Phan Thị Thêm	08/02/1999	Phú Yên	3,0	3,5	4,0	3,5	Không đạt
806	BK180814	Bùi Văn Thi	25/10/1998	Quảng Ngãi	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
807	BK180815	Lê Nhật Thiên	14/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	8,5	8,0	7,5	Khá
808	BK180816	Nguyễn Trương Hồi Thiên	08/10/1999	Bình Thuận	8,0	8,5	7,0	8,0	Giỏi
809	BK180817	Đỗ Minh Thiện	14/06/1997	Bến Tre	8,0	8,5	8,0	8,0	Giỏi
810	BK180818	Huỳnh Trường Thiện	02/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	5,5	7,0	7,0	Khá
811	BK180819	Khổng Trần Anh Thiện	19/12/1998	Bình Định	6,0	4,0	4,0	5,0	Trung bình
812	BK180821	Nguyễn Chí Thiện	08/12/1999	Long An	6,0	5,0	6,0	6,0	Trung bình
813	BK180822	Nguyễn Hữu Thiện	16/09/1998	Lâm Đồng	7,5	9,0	8,0	8,0	Giỏi
814	BK180823	Nguyễn Ngọc Thiện	22/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,0	5,0	7,5	Khá
815	BK180824	Trần Hoàng Thiện	15/12/1990	An Giang	7,0	9,0	9,0	8,0	Giỏi
816	BK180825	Võ Minh Thiện	15/07/1997	Bến Tre	7,5	8,0	7,0	7,5	Khá

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
817	BK180826	Võ Trọng Thiết	02/01/1999	Bình Định	7,5	8,0	5,0	7,0	Khá
818	BK180827	Hồ Thiên Thịnh	10/11/1993	Bình Thuận	7,0	8,0	8,0	7,5	Khá
819	BK180828	Hoàng Vương Thịnh	25/01/1999	Bình Thuận	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
820	BK180829	Nguyễn Châu Quốc Thịnh	02/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	6,0	7,0	7,0	Khá
821	BK180830	Nguyễn Quốc Thịnh	19/10/1996	Vĩnh Long	7,5	6,0	6,0	7,0	Khá
822	BK180831	Phan Gia Thịnh	22/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	6,0	7,0	7,0	Khá
823	BK180832	Trần Văn Thịnh	01/02/1996	Quảng Ngãi	6,5	6,0	6,0	6,5	Trung bình
824	BK180833	Mai Đình Thọ	08/03/1999	Bình Phước	6,5	6,5	7,0	6,5	Trung bình
825	BK180834	Nguyễn Văn Thọ	12/05/1999	Phú Yên	7,0	8,5	5,0	7,0	Khá
826	BK180835	Lê Công Thoại	27/01/1997	Long An	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
827	BK180836	Nguyễn Hữu Thoại	23/01/1999	Long An	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình
828	BK180837	Vũ Kim Thoại	29/03/1999	Đồng Nai	7,0	8,5	5,0	7,0	Khá
829	BK180838	Nguyễn Văn Thới	11/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,5	6,0	7,0	Khá
830	BK181049	Cáp Hữu Thông	27/11/1999	Bình Thuận	4,0	6,5	0,0	3,5	Không đạt
831	BK180839	Nguyễn Văn Thông	10/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,5	7,0	6,5	Trung bình
832	BK180840	Phạm Trí Thông	27/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	5,0	7,0	5,5	Trung bình
833	BK180841	Võ Ngọc Minh Thông	09/01/1998	Bình Thuận	7,0	7,5	6,0	7,0	Khá
834	BK180842	Đỗ Nguyễn Mạnh Thống	03/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,5	6,0	7,0	Khá
835	BK180843	Huỳnh Phương Anh Thư	13/05/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	8,0	8,0	8,0	Giỏi
836	BK180844	Lê Sĩ Thuần	08/09/1999	Tây Ninh	5,0	7,5	7,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
837	BK180845	Lưu Quốc Thuận	03/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
838	BK180846	Nguyễn Văn Thuận	07/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
839	BK180847	Quảng Thiên Thuận	15/09/1997	Ninh Thuận	5,0	5,5	4,0	5,0	Trung bình
840	BK180848	Thái Văn Thuận	20/07/1998	Phú Yên	6,0	6,5	5,0	6,0	Trung bình
841	BK180849	Tiêu Quang Thuận	29/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá
842	BK180850	Trần Hữu Thuận	02/08/1998	Tiền Giang	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
843	BK180851	Trần Văn Thuận	10/10/1998	Lâm Đồng	6,5	7,5	4,0	6,0	Trung bình
844	BK180852	Phan Văn Thuật	15/02/1998	Quảng Ngãi	6,5	7,5	4,0	6,0	Trung bình
845	BK180853	Đình Công Thức	06/4/1991	Ninh Thuận	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
846	BK180854	Lữ Quốc Thức	27/08/1998	Kiên Giang	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
847	BK180855	Trần Nguyễn Hữu Thức	30/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	4,0	5,5	Trung bình
848	BK180856	Võ Văn Thương	15/01/1996	Quảng Ngãi	6,0	5,5	4,0	5,5	Trung bình
849	BK180857	Đỗ Văn Thường	19/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình
850	BK180858	Lê Minh Thường	04/02/1997	Trà Vinh	6,0	6,5	6,0	6,0	Trung bình
851	BK180859	Cao Thị Thanh Thúy	06/12/1999	Quảng Ngãi	4,5	5,5	5,0	5,0	Trung bình
852	BK180860	Nguyễn Phi Thuyền	27/12/1998	Bến Tre	6,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình
853	BK180861	Huỳnh Trung Tiên	17/11/1998	Quảng Ngãi	6,5	6,5	4,0	6,0	Trung bình
854	BK180862	Nguyễn Anh Tiên	03/06/1999	Đồng Nai	7,0	5,5	7,0	6,5	Trung bình
855	BK180863	Tòng Thị Bích Tiên	08/08/1999	Bình Thuận	7,0	5,5	5,0	6,0	Trung bình
856	BK180864	Trần Quốc Tiên	06/07/1999	Ninh Thuận	6,5	7,0	6,0	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
857	BK180865	Trần Thị Mỹ Tiên	12/07/1999	Tiền Giang	6,0	6,5	6,0	6,0	Trung bình
858	BK180866	Trần Văn Tiên	02/04/1997	Bình Định	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
859	BK180867	Đoàn Thị Minh Tiến	16/01/1998	Bến Tre	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
860	BK180868	Dương Minh Tiến	15/07/1998	Tây Ninh	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
861	BK180869	Huỳnh Minh Tiến	06/01/1997	Phú Yên	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
862	BK180870	Lê Thanh Tiến	13/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
863	BK180871	Nguyễn Duy Tiến	19/01/1996	Đắk Lắk	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
864	BK180872	Nguyễn Hồng Tiến	22/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
865	BK180873	Nguyễn Ngọc Tiến	02/11/1998	Bến Tre	7,0	5,5	4,0	6,0	Trung bình
866	BK180874	Nguyễn Văn Tiến	29/05/1998	Hà Nội	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
867	BK180875	Nguyễn Văn Tiến	10/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	6,0	5,0	6,5	Trung bình
868	BK180877	Trần Lê Minh Tiến	22/01/1999	Tây Ninh	7,0	5,0	4,0	6,0	Trung bình
869	BK180878	Phạm Minh Tiến	04/07/1997	Bến Tre	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
870	BK180879	Lê Minh Tiến	29/04/1999	Thừa Thiên -Huế	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
871	BK180880	Phan Văn Tiệp	25/07/1998	Bình Thuận	6,5	6,0	5,0	6,0	Trung bình
872	BK180881	Nguyễn Trung Tín	17/09/1997	Bình Thuận	4,0	3,0	3,7	4,0	Không đạt
873	BK180882	Phạm Minh Tín	01/11/1998	Quảng Ngãi	3,5	2,5	5,0	3,5	Không đạt
874	BK180883	Tô Trung Tín	06/09/1999	Đồng Tháp	4,5	2,0	3,5	3,5	Không đạt
875	BK180884	Trịnh Trung Tín	26/10/1999	Bến Tre	3,0	4,0	7,0	4,5	Không đạt
876	BK180885	Tăng Minh Tính	02/07/1998	Bình Thuận	5,0	4,0	5,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
877	BK180886	Huỳnh Hữu Tình	22/10/1998	Phú Yên	6,5	4,5	4,0	5,5	Trung bình
878	BK180887	Lê Văn Tình	26/03/1999	Bình Định	5,0	4,0	3,0	4,5	Không đạt
879	BK181050	Phạm Văn Tình	14/06/1997	Bình Thuận	3,0	6,0	5,0	4,5	Không đạt
880	BK180888	Nguyễn Duy Toàn	09/08/1998	Khánh Hoà	4,5	3,0	0,0	3,0	Không đạt
881	BK180889	Phạm Quốc Toàn	26/08/1999	Quảng Ngãi	3,5	3,0	3,5	3,5	Không đạt
882	BK180890	Phan Ngọc Toàn	10/02/1999	Đồng Nai	6,0	6,0	8,0	6,5	Trung bình
883	BK180891	Trương Hoàng Toàn	02/09/1999	An Giang	5,5	6,5	8,0	6,5	Trung bình
884	BK180892	Hồ Quý Tộc	10/11/1995	Khánh Hoà	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
885	BK180893	Pi Năng Na Tra	01/04/1999	Ninh Thuận	3,5	6,5	3,5	4,5	Không đạt
886	BK180894	Võ Thanh Trà	13/03/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,5	6,0	5,5	Trung bình
887	BK180895	Đặng Thụy Bích Trâm	24/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	4,0	8,0	5,0	Trung bình
888	BK180896	Nguyễn Quốc Ngọc Trâm	23/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	5,5	8,0	6,0	Trung bình
889	BK180897	Nguyễn Ngọc Ái Trâm	20/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,0	5,0	5,0	Trung bình
890	BK180898	Phạm Đức Trận	26/07/1999	Bình Định	5,5	6,0	3,5	5,0	Trung bình
891	BK180899	Đặng Thị Thùy Trang	15/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,5	6,5	7,0	Khá
892	BK180900	Đoàn Thị Thùy Trang	31/12/1998	Bình Thuận	6,0	7,5	7,0	6,5	Trung bình
893	BK180901	Nguyễn Thị Trang	16/04/1998	Đắk Nông	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
894	BK180902	Bùi Lê Toàn Trí	10/06/1999	Tây Ninh	4,5	6,0	7,0	5,5	Trung bình
895	BK180903	Bùi Minh Trí	02/04/1999	Tiền Giang	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
896	BK180904	Đinh Công Trí	14/04/1999	Long An	2,5	6,0	0,0	3,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
897	BK180905	Lạc Thiên Trí	12/10/1998	Tiền Giang	3,0	5,0	5,0	4,0	Không đạt
898	BK180906	Mai Minh Trí	11/03/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	6,0	7,0	5,0	Trung bình
899	BK180907	Nguyễn Minh Trí	02/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	8,0	6,5	Trung bình
900	BK180908	Phan Hữu Trí	13/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	6,0	8,0	6,0	Trung bình
901	BK180909	Thân Văn Trí	29/05/1998	Cần Thơ	6,5	7,5	8,0	7,0	Khá
902	BK180910	Nguyễn Tiến Triền	23/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	7,0	7,0	6,5	Trung bình
903	BK180911	Võ Minh Triết	14/10/1999	Tiền Giang	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
904	BK180912	Lê Ngọc Tâm Hải Triều	18/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	9,0	7,0	Khá
905	BK180913	Phạm Hải Triều	22/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	9,0	6,5	Trung bình
906	BK180914	Hồ Ngọc Triệu	08/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	4,5	9,0	6,5	Trung bình
907	BK180915	Trần Quang Triệu	10/06/1999	Đắk Nông	3,0	4,0	4,0	3,5	Không đạt
908	BK180916	Cao Xuân Trình	13/06/1999	Quảng Ngãi	3,0	6,0	3,5	4,0	Không đạt
909	BK180917	Huỳnh Bùi Đức Trọng	19/09/1999	Bến Tre	5,0	7,5	5,0	5,5	Trung bình
910	BK180918	Lê Trung Trọng	05/10/1999	Bình Thuận	5,0	7,5	4,0	5,5	Trung bình
911	BK180919	Trịnh Minh Trọng	19/12/1998	Đồng Tháp	7,0	5,5	6,0	6,5	Trung bình
912	BK180920	Nguyễn Công Trứ	05/03/1998	Bình Phước	5,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình
913	BK180921	Lê Thanh Trúc	08/07/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	3,5	5,0	4,0	4,0	Không đạt
914	BK180922	Nguyễn Tô Yến Trúc	05/12/1999	Bình Thuận	3,5	5,5	4,0	4,0	Không đạt
915	BK180923	Bùi Quốc Trung	03/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	4,0	3,0	4,5	Không đạt
916	BK180924	Đặng Quốc Trung	22/10/1999	Kiên Giang	3,5	5,0	4,5	4,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
917	BK180925	Huỳnh Phạm Minh Trung	15/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	5,0	7,0	5,5	Trung bình
918	BK180926	Huỳnh Tấn Trung	09/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	5,0	6,5	5,5	Trung bình
919	BK180927	Nguyễn Thái Trung	18/05/1998	Bình Thuận	5,5	5,0	6,5	5,5	Trung bình
920	BK180928	Phạm Hoàng Trung	20/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	5,0	2,0	3,5	Không đạt
921	BK180929	Tô Minh Trung	16/08/1998	Đồng Nai	2,0	0,0	0,0	1,0	Không đạt
922	BK180930	Tô Thành Trung	16/06/1999	Bến Tre	3,5	6,0	2,0	4,0	Không đạt
923	BK180931	Trang Nhựt Trung	03/02/1997	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	5,0	4,0	4,5	Không đạt
924	BK180932	Vũ Đức Trung	25/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	5,5	4,5	4,5	Không đạt
925	BK180933	Bùi Văn Trung	14/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	3,0	0,0	2,5	Không đạt
926	BK180934	Trịnh Hồng Trương	15/08/1999	Bình Định	2,5	6,0	4,0	4,0	Không đạt
927	BK180935	Đặng Quang Trường	03/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	4,5	4,0	4,0	Không đạt
928	BK180936	Đặng Tấn Trường	12/06/1999	Quảng Ngãi	5,5	4,5	7,0	5,5	Trung bình
929	BK180937	Đỗ Đình Nhật Trường	06/10/1999	Khánh Hoà	5,5	6,0	6,5	6,0	Trung bình
930	BK180938	Ngô Đan Trường	28/10/1999	Kiên Giang	4,0	4,0	5,0	4,5	Không đạt
931	BK180939	Ngô Quang Trường	28/12/1998	Bình Định	3,0	4,0	4,5	3,5	Không đạt
932	BK180940	Nguyễn Lâm Trường	15/05/1999	Tây Ninh	5,0	5,0	6,5	5,5	Trung bình
933	BK180941	Nguyễn Nhật Trường	12/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	2,5	4,5	7,0	4,0	Không đạt
934	BK180942	Phạm Ngọc Trường	25/05/1999	Long An	2,5	2,0	0,0	2,0	Không đạt
935	BK180943	Phạm Xuân Trường	10/08/1998	Bình Thuận	3,5	6,5	4,0	4,5	Không đạt
936	BK180944	Trần Quang Trường	29/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	5,5	5,5	4,5	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
937	BK180945	Nguyễn Ngọc Minh Truyền	15/11/1999	Bến Tre	4,5	6,0	6,0	5,5	Trung bình
938	BK180946	Hoàng Minh Tú	07/6/1987	Bình Thuận	5,5	6,5	8,0	6,5	Trung bình
939	BK180947	Huỳnh Văn Tú	23/02/1999	Kon Tum	5,5	6,5	4,0	5,5	Trung bình
940	BK180948	Ngô Minh Tú	17/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	6,0	5,0	5,0	Trung bình
941	BK180949	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	19/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	7,5	6,0	Trung bình
942	BK180951	Đặng Minh Tuấn	20/06/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	6,0	7,0	6,0	Trung bình
943	BK180952	Đoàn Ngọc Tuấn	10/05/1998	Tiền Giang	5,0	6,0	4,5	5,0	Trung bình
944	BK180953	Đoàn Nhật Tuấn	15/06/1999	Phú Yên	5,0	7,0	4,5	5,5	Trung bình
945	BK180955	Huỳnh Văn Tuấn	23/07/1999	Phú Yên	4,5	5,0	4,5	4,5	Không đạt
946	BK180956	Khúc Văn Tuấn	20/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	8,0	6,0	Trung bình
947	BK180957	Lê Minh Tuấn	27/11/1999	Bình Định	5,5	4,5	6,5	5,5	Trung bình
948	BK180958	Lê Văn Tuấn	15/04/1999	Bình Phước	4,0	4,0	5,0	4,5	Không đạt
949	BK180959	Lý Thanh Tuấn	24/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	5,0	4,5	4,5	Không đạt
950	BK180960	Ngô Quang Tuấn	24/12/1998	Bến Tre	6,0	7,0	5,0	6,0	Trung bình
951	BK180961	Nguyễn Anh Tuấn	27/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	6,0	4,0	4,5	Không đạt
952	BK180962	Nguyễn Hoàng Tuấn	27/05/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	5,0	7,0	4,0	5,5	Trung bình
953	BK180963	Nguyễn Minh Tuấn	12/02/1999	Đồng Nai	2,0	3,0	5,0	3,0	Không đạt
954	BK180964	Nguyễn Thanh Tuấn	15/11/1998	Tiền Giang	3,0	5,0	3,0	3,5	Không đạt
955	BK180965	Nguyễn Thanh Tuấn	16/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	2,0	4,0	5,0	3,5	Không đạt
956	BK180966	Nguyễn Thanh Tuấn	29/01/1997	Tiền Giang	2,5	4,0	2,0	3,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
957	BK180967	Nguyễn Thanh Hoài Tuấn	13/05/1999	Long An	3,0	1,5	6,0	3,5	Không đạt
958	BK180968	Nguyễn Văn Tuấn	14/09/1999	Bắc Ninh	3,5	4,5	4,0	4,0	Không đạt
959	BK180969	Phạm Quốc Tuấn	08/01/1999	Đắk Nông	1,0	4,5	3,0	2,5	Không đạt
960	BK181051	Trần Anh Tuấn	05/02/1996	Thái Bình	3,0	4,5	4,5	4,0	Không đạt
961	BK180970	Trần Đỗ Anh Tuấn	27/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
962	BK180971	Võ Minh Tuấn	09/11/1997	Tiền Giang	5,0	6,0	4,0	5,0	Trung bình
963	BK180972	Vũ Anh Tuấn	31/10/1998	Nam Định	6,5	6,5	4,0	6,0	Trung bình
964	BK180973	Nguyễn Văn Tuấn	10/03/1998	Quảng Ngãi	2,0	6,0	4,0	3,5	Không đạt
965	BK180974	Nguyễn Bá Túc	03/03/1998	Tiền Giang	4,5	6,0	3,0	4,5	Không đạt
966	BK180975	Điền Túc	19/05/1998	Bình Phước	5,5	6,5	8,0	6,5	Trung bình
967	BK180976	Lê Thanh Tùng	16/10/1999	Đắk Lắk	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
968	BK180977	Nguyễn Hữu Tùng	02/04/1999	Bình Thuận	3,5	6,0	4,0	4,5	Không đạt
969	BK180978	Nguyễn Lê Tùng	10/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	6,0	4,0	4,5	Không đạt
970	BK180979	Nguyễn Quốc Tùng	13/10/1998	Tây Ninh	5,5	7,5	5,0	6,0	Trung bình
971	BK180980	Nguyễn Xuân Tùng	19/04/1996	Thanh Hoá	5,5	6,5	1,0	4,5	Không đạt
972	BK180981	Phạm Hữu Tùng	12/08/1997	Quảng Ngãi	3,0	5,5	0,0	3,0	Không đạt
973	BK180982	Phan Thanh Tùng	20/08/1998	Khánh Hoà	4,5	5,5	5,0	5,0	Trung bình
974	BK180983	Vũ Văn Tùng	04/06/1998	Nam Định	2,0	4,0	4,0	3,0	Không đạt
975	BK180984	Lê Bảo Tường	17/07/1999	Lâm Đồng	1,0	2,5	5,0	2,5	Không đạt
976	BK180985	Nguyễn Chí Tường	05/12/1999	Quảng Ngãi	3,0	3,5	5,0	3,5	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
977	BK180986	Nguyễn Lê Vũ Tường	01/02/1998	Phú Yên	1,5	4,0	0,0	2,0	Không đạt
978	BK180987	Võ Xuân Tuyên	10/11/1999	Quảng Ngãi	1,5	4,5	5,0	3,0	Không đạt
979	BK180988	Đinh Văn Tuyền	17/02/1998	Hưng Yên	1,5	4,5	4,0	3,0	Không đạt
980	BK180989	Nguyễn Huỳnh Tuyền	15/09/1999	Cà Mau	3,0	4,5	5,0	4,0	Không đạt
981	BK180990	Trần Minh Tuyên	12/10/1996	Lâm Đồng	6,0	4,0	6,0	5,5	Trung bình
982	BK180991	Đặng Thị Ánh Tuyết	08/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	4,0	4,5	7,0	5,0	Trung bình
983	BK180992	Đới Sỹ Tý	05/11/1996	Bình Phước	5,0	5,5	7,0	5,5	Trung bình
984	BK180993	Huỳnh Văn Úc	21/7/1998	Bình Thuận	5,5	4,0	5,0	5,0	Trung bình
985	BK180994	Lê Ngọc Uyên	29/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,0	6,0	7,0	Khá
986	BK180995	Đặng Thị Vân	06/03/1999	Bình Định	3,5	4,0	2,0	3,5	Không đạt
987	BK180996	Lê Đình Văn	05/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	9,0	5,0	6,5	Trung bình
988	BK180997	Nguyễn Thanh Văn	12/01/1998	Đắk Lắk	6,0	7,5	5,0	6,0	Trung bình
989	BK180998	Phan Đình Văn	11/12/1999	Bình Định	6,5	6,5	7,0	6,5	Trung bình
990	BK180999	Phan Hà Văn	25/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	4,0	7,0	5,5	Trung bình
991	BK181000	Nguyễn Hùng Vĩ	20/10/1999	Long An	4,5	4,0	5,0	4,5	Không đạt
992	BK181001	Lưu Văn Viên	27/09/1999	Bắc Ninh	4,0	4,0	4,0	4,0	Không đạt
993	BK181002	Hoàng Đức Viễn	26/10/1999	Quảng Trị	5,0	6,0	5,0	5,5	Trung bình
994	BK181003	Bùi Quốc Việt	20/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	7,5	7,5	8,0	Giỏi
995	BK181004	Lưu Quốc Việt	09/03/2002	Kiên Giang	4,5	4,0	6,0	5,0	Trung bình
996	BK181005	Nguyễn Thái Việt	21/06/1999	Bình Định	3,5	4,0	4,0	4,0	Không đạt

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
997	BK181006	Phạm Quốc Việt	13/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	2,0	5,0	3,5	Không đạt
998	BK181007	Trần Quốc Việt	04/01/1999	Tây Ninh	4,0	5,5	4,5	4,5	Không đạt
999	BK181008	Võ Đại Việt	29/06/1997	Thừa Thiên -Huế	3,0	5,5	5,5	4,5	Không đạt
1000	BK181009	Bùi Sỹ Vinh	11/03/1997	Long An	1,5	7,5	0,0	2,5	Không đạt
1001	BK181010	Đinh Hoàng Vinh	11/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,0	5,5	5,5	4,5	Không đạt
1002	BK181011	Hoàng Trọng Vinh	29/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	5,0	7,5	6,0	Trung bình
1003	BK181012	Lê Thanh Vinh	24/04/1999	Đắk Lắk	5,0	4,5	7,0	5,5	Trung bình
1004	BK181013	Lê Thế Vinh	02/03/1999	Long An	6,5	7,0	8,0	7,0	Khá
1005	BK181014	Nguyễn Ngọc Vinh	18/10/1998	Long An	6,0	7,0	8,0	7,0	Khá
1006	BK181015	Nguyễn Quốc Vinh	1/4/1998	Long An	3,5	6,0	6,0	5,0	Trung bình
1007	BK181016	Nguyễn Thành Vinh	15/03/1999	Long An	4,5	4,5	5,0	4,5	Không đạt
1008	BK181017	Phạm Hữu Vinh	14/12/1999	Long An	4,5	4,0	3,5	4,0	Không đạt
1009	BK181018	Bùi Ngọc Vĩnh	19/06/1998	Quảng Ngãi	5,5	4,5	6,0	5,5	Trung bình
1010	BK181019	Thái Đức Vĩnh	24/06/1999	Tp. Hồ Chí Minh	4,5	4,0	6,5	5,0	Trung bình
1011	BK181052	Bùi Thanh Vũ	20/08/1999	Bình Định	1,5	6,0	0,0	2,5	Không đạt
1012	BK181020	Bùi Trương Hoài Vũ	02/04/1999	Đồng Nai	3,5	5,5	6,0	4,5	Không đạt
1013	BK181021	Hồ Anh Vũ	18/01/1999	Bình Định	3,5	6,0	6,0	5,0	Trung bình
1014	BK181022	Lê Tuấn Vũ	03/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	5,5	5,0	4,5	Không đạt
1015	BK181023	Nguyễn Vũ	07/04/1999	Quảng Ngãi	2,5	6,0	5,5	4,0	Không đạt
1016	BK181026	Trần Hoàng Vũ	23/07/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	6,5	6,0	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
1017	BK181027	Trần Hoàng Vũ	28/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	5,0	6,5	5,0	5,5	Trung bình
1018	BK181028	Trần Nguyễn Quang Vũ	25/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6,0	9,0	7,0	7,0	Khá
1019	BK181029	Võ Công Vũ	18/05/1999	Đắk Lắk	7,0	6,5	7,0	7,0	Khá
1020	BK181030	Nguyễn Quốc Vương	17/07/1998	Quảng Trị	5,5	6,0	8,0	6,5	Trung bình
1021	BK181031	Phạm Văn Vượng	01/07/1999	Bình Phước	4,5	8,0	4,0	5,5	Trung bình
1022	BK181032	Lê Ngọc Vy	08/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	1,5	7,0	6,0	4,0	<i>Không đạt</i>
1023	BK181033	Lương Hoàng Yến Vy	04/03/1994	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,5	7,0	7,5	Khá
1024	BK181034	Đỗ Trọng Vỹ	23/09/1999	Bình Thuận	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình
1025		Lê Phúc Vỹ	21/12/1997	Quảng Ngãi	6,0	8,0	8,0	7,0	Khá
1026	BK181054	Nguyễn Kỳ Vỹ	03/08/1999	An Giang	1,5	3,5	4,5	3,0	<i>Không đạt</i>
1027	BK181035	Nguyễn Văn Xã	06/04/1998	Ninh Thuận	3,5	6,5	4,0	4,5	<i>Không đạt</i>
1028	BK181036	Nguyễn Thanh Xuân	12/04/1999	Đồng Nai	3,0	5,5	5,0	4,0	<i>Không đạt</i>
1029	BK181037	Phạm Thị Cẩm Xy	11/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	3,5	6,5	4,0	4,5	<i>Không đạt</i>
1030	BK181038	Nguyễn Đặng Ý	25/08/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	2,5	6,5	4,0	4,0	<i>Không đạt</i>
1031	BK181039	Đoàn Thị Yến	27/12/1998	Thừa Thiên -Huế	4,0	7,5	6,0	5,5	Trung bình

Tổng cộng 1031 THÍ SINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2019

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm Đọc+Viết (HS 2)	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
----	----------------	-----------------	-----------	----------	----------------------------	--------------	----------	---------	----------